



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 40

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- | | | |
|-------------|---|----|
| 17-02-2017- | Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh. | 3 |
| 17-02-2017- | Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh. | 16 |
| 22-02-2017- | Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh. | 28 |

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

21-02-2017- Quyết định số 713/QĐ-UBND về ban hành Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ.

45

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2017/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý
Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2003 của Chính phủ về ban hành Quy chế Khu công nghệ cao;

Căn cứ Quyết định số 145/2002/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 146/2002/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố tại Tờ trình số 02/TTr-KCNC ngày 19 tháng 01 năm 2017 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 451/TTr-SNV ngày 13 tháng 02 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của

Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu kể từ ngày 27 tháng 02 năm 2017 và thay thế Quyết định số 242/2004/QĐ-UB ngày 22 tháng 10 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố, Thủ trưởng các sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Phong

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý
Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh là tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý các hoạt động của Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là Khu Công nghệ cao) theo quy định của pháp luật.

2. Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là Ban Quản lý) có tư cách pháp nhân, sử dụng con dấu hình Quốc huy, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng; Được cấp kinh phí hoạt động từ ngân sách Nhà nước; Có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở làm việc của Ban Quản lý đặt tại Lô T2-3, đường D1, phường Tân Phú, quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ban Quản lý có tên gọi bằng tiếng Anh là Board of Management of Saigon Hi-tech Park.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Ban Quản lý thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân thành phố để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc ban hành:

a) Quy hoạch, kế hoạch phát triển trung và dài hạn đối với Khu Công nghệ cao; Kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.

b) Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển của Khu Công nghệ cao.

c) Cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Khu Công nghệ cao phù hợp với điều kiện phát triển thực tế trong từng thời kỳ và theo quy định của pháp luật.

d) Cơ chế thu hút, chính sách đãi ngộ đặc biệt đối với cán bộ, công chức, viên chức, chuyên gia khoa học công nghệ trong và ngoài nước và người lao động làm việc tại Ban Quản lý.

đ) Các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản khác về Khu Công nghệ cao.

2. Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt hoặc ban hành:

a) Các dự án nhóm A sử dụng vốn ngân sách Nhà nước, các dự án ODA và vốn tiếp nhận viện trợ đầu tư phát triển Khu Công nghệ cao theo quy định của pháp luật.

b) Chương trình phát triển công nghệ cao, hỗ trợ sản phẩm công nghệ cao, cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học công nghệ làm việc tại Khu Công nghệ cao và các hợp tác quốc tế khoa học công nghệ nhằm phát triển Khu Công nghệ cao theo mục tiêu đề ra thuộc thẩm quyền quyết định, phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố.

c) Kế hoạch đầu tư phát triển và dự toán ngân sách hàng năm (chi đầu tư phát triển Khu Công nghệ cao (cơ sở hạ tầng, phát triển khoa học công nghệ, đào tạo nhân lực và chi thường xuyên).

3. Tổ chức thực hiện, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án, chương trình trong Khu Công nghệ cao sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc ban hành.

4. Ban hành văn bản hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ, văn bản quy định nội bộ theo quy định của pháp luật.

5. Về quản lý quy hoạch, xây dựng và khai thác cơ sở hạ tầng

a) Quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch chung trong Khu Công nghệ cao sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Chỉ đạo lập quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết các khu chức năng; Thẩm định, phê duyệt quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết theo ủy quyền; Tổ chức thực hiện quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt.

c) Tổ chức lập, phê duyệt, quản lý, giám sát và thực hiện quy hoạch chi tiết xây dựng các khu chức năng.

d) Thực hiện việc cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi: Chứng chỉ quy hoạch, Giấy phép quy hoạch và Giấy phép xây dựng theo phân cấp, ủy quyền; Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng.

đ) Tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công các dự án đầu tư xây dựng; kiểm tra công tác nghiệm thu các công trình xây dựng tại Khu Công nghệ cao theo phân cấp, ủy quyền.

e) Có ý kiến về xây dựng các công trình cấp điện, nước, buru chính viễn thông ngoài địa giới Khu Công nghệ cao do các doanh nghiệp chuyên ngành thực hiện để phù hợp với quy hoạch và tiến độ xây dựng Khu Công nghệ cao.

g) Bảo đảm tiến độ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và cung cấp các dịch vụ theo đúng các hợp đồng với nhà đầu tư các dự án.

h) Hướng dẫn các nhà đầu tư, doanh nghiệp xây dựng, kinh doanh, khai thác, sử dụng cơ sở hạ tầng theo đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật của Nhà nước; Thỏa thuận mức thu tiền sử dụng, dịch vụ liên quan tới hạ tầng theo quy định.

i) Trực tiếp quản lý, khai thác, sử dụng và duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng kỹ thuật do Nhà nước đầu tư tại Khu Công nghệ cao.

k) Lập biên bản vi phạm hành chính khi phát hiện các hành vi vi phạm trong lĩnh vực xây dựng tại Khu Công nghệ cao.

6. Về quản lý nguồn vốn và kế hoạch phát triển

a) Tổ chức thực hiện kế hoạch xây dựng và phát triển Khu Công nghệ cao sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư và chỉ đạo, tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước được giao quản lý theo quy định của pháp luật.

c) Quyết định, quản lý các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật sử dụng vốn ngân sách Nhà nước nhóm B, C theo phân cấp hoặc ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

d) Tiếp nhận và quản lý các dự án ODA để xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghệ cao và vốn tiếp nhận viện trợ (nếu có) đầu tư vào Khu Công nghệ cao.

đ) Ký kết các hợp đồng BOT, BTO, BT theo ủy quyền của các cấp có thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.

e) Tổ chức vận động đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư xây dựng hạ tầng, triển khai đấu thầu theo quy định và hỗ trợ các nhà đầu tư xây dựng hạ tầng thực hiện đầu tư vào Khu Công nghệ cao.

7. Về hợp tác và xúc tiến đầu tư

a) Tổ chức hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, quảng bá trong nước và nước ngoài để thu hút các nguồn lực đầu tư vào Khu Công nghệ cao.

b) Xây dựng, duy trì và quan hệ hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ, các Khu Công nghệ cao, các hiệp hội, các khu khoa học trong nước và ngoài nước.

c) Hợp tác đầu tư với nước ngoài về công nghệ cao theo quy định về hợp tác đầu tư với nước ngoài trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

d) Hợp tác, liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trong các lĩnh vực có liên quan để phát triển và quản lý, khai thác Khu Công nghệ cao theo quy định của pháp luật; Được thuê tư vấn nước ngoài thực hiện dịch vụ tư vấn xúc tiến đầu tư, tư vấn chiến lược về đầu tư, xây dựng và phát triển Khu Công nghệ cao theo quy định của pháp luật.

đ) Hợp tác, liên kết quốc tế, các trường đại học để hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, thu hút các chuyên gia giỏi, nhà khoa học trẻ, tài năng.

8. Quản lý đầu tư

a) Cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật.

b) Cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.

c) Cấp các loại Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa cho hàng hóa sản xuất tại Khu Công nghệ cao.

d) Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung và gia hạn Giấy phép thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa.

đ) Các giấy phép, chứng chỉ khác theo quy định của pháp luật hoặc theo ủy quyền của các cơ quan chuyên ngành.

e) Quyết định các hướng ưu tiên, các hình thức hỗ trợ đối với tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện nghiên cứu, đào tạo, ươm tạo, sản xuất, kinh doanh và dịch vụ công nghệ cao trên cơ sở Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển.

g) Tổng hợp, thống kê, theo dõi kiểm tra hoạt động của các doanh nghiệp; kịp thời phát hiện, đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật của doanh nghiệp.

h) Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai dự án tại Khu Công nghệ cao theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, các Giấy phép, Chứng chỉ và các quy định khác của pháp luật và tổ chức đánh giá xếp loại doanh nghiệp hàng năm nhằm khuyến khích, thúc đẩy năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và đầu tư hiệu quả.

i) Kiểm tra và xác nhận bằng văn bản đối với các nội dung đã trình bày trong Bản thuyết minh dự án ứng dụng công nghệ cao, đề tài, đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao của tổ chức, cá nhân hoạt động ứng dụng công nghệ cao, nghiên cứu và phát triển công nghệ cao trong Khu Công nghệ cao gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

k) Ban hành hoặc trình các cơ quan có thẩm quyền ban hành các biện pháp đảm bảo thực hiện dự án đầu tư.

9. Về quản lý, sử dụng đất đai

a) Được Ủy ban nhân dân thành phố giao đất (gồm cả đất và mặt nước) để tổ chức xây dựng và phát triển các Khu Công nghệ cao theo quy hoạch được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

b) Phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện việc tái định cư, đền bù, giải phóng mặt bằng tại Khu Công nghệ cao.

c) Tổ chức lập quy hoạch sử dụng đất chi tiết, kế hoạch sử dụng đất chi tiết cho Khu Công nghệ cao theo quy định của pháp luật.

d) Quyết định giao lại đất không thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất; Thu hồi đất đã giao lại, cho thuê theo quy định của pháp luật.

đ) Quyết định mức thu tiền thuê đất nhưng không được thấp hơn giá đất trong bảng giá do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành; Mức miễn, giảm tiền thuê đất cho các dự án đầu tư tại Khu Công nghệ cao nhằm đảm bảo khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp luật.

e) Thỏa thuận việc định giá cho thuê lại đất đã xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật; Giá nhà xưởng cho thuê và giá nhà ở với các doanh nghiệp kinh doanh cơ sở hạ tầng và nhà ở.

g) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền tổ chức đấu thầu, đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật; Lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

h) Quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai tại Khu Công nghệ cao. Là đầu mối tiếp nhận và trả kết quả thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai cho nhà đầu tư (giao lại đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất) theo quy định của pháp luật.

i) Tổ chức thẩm tra, đánh giá, thẩm định nhu cầu sử dụng đất; Thẩm định các điều kiện giao lại đất, cho thuê đất đối với các dự án đầu tư.

k) Kiểm tra, giám sát việc sử dụng đất của các dự án theo Quyết định giao lại đất, cho thuê đất.

10. Về quản lý và bảo vệ môi trường

a) Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường đối với các dự án đầu tư tại Khu Công nghệ cao theo quy định của pháp luật hoặc theo ủy quyền.

b) Là đầu mối hướng dẫn các nhà đầu tư và các đối tượng hoạt động trong Khu Công nghệ cao thực hiện các thủ tục về quản lý và bảo vệ môi trường.

c) Hướng dẫn, tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; Phối hợp với các cơ quan giải quyết các khiếu nại, tố cáo và tranh chấp về môi trường trong Khu Công nghệ cao theo quy định của pháp luật.

d) Tổ chức thực hiện quan trắc phát thải và các thành phần môi trường tại Khu Công nghệ cao; Báo cáo cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

đ) Phối hợp với các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường thực hiện công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường tại Khu Công nghệ cao.

e) Lập biên bản vi phạm hành chính khi phát hiện các hành vi vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường tại Khu Công nghệ cao.

11. Về quản lý các dịch vụ và bảo đảm an ninh, trật tự

a) Quản lý các hoạt động khai thác, kinh doanh, dịch vụ, sử dụng các công trình đầu tư; Trực tiếp hoặc giao nhiệm vụ quản lý, khai thác, sử dụng và duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng kỹ thuật do Nhà nước đầu tư tại Khu Công nghệ cao.

b) Quyết định mức thu tiền sử dụng hạ tầng kỹ thuật do Nhà nước đầu tư, mức thu tiền xử lý nước thải, phí bảo vệ, giá các loại phí, lệ phí dịch vụ do Ban Quản lý thực hiện theo quy định của pháp luật; Thỏa thuận giá các loại phí, lệ phí dịch vụ do các doanh nghiệp kinh doanh hạ tầng và nhà ở thực hiện.

c) Chủ trì, phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan ban hành quy định bảo đảm an ninh, trật tự, phòng cháy, chữa cháy, các hoạt động dân sinh và thực hiện nếp sống văn hóa trong quá trình xây dựng, quản lý và khai thác các công trình trong Khu Công nghệ cao.

12. Quản lý lao động trong Khu Công nghệ cao được thực hiện theo quy định của pháp luật.

13. Về quản lý và thúc đẩy hoạt động khoa học và công nghệ

a) Là đầu mối phát triển khoa học và công nghệ, được cấp kinh phí từ Bộ Khoa học và Công nghệ và ngân sách của Thành phố để triển khai các hoạt động nghiên cứu, ươm tạo, chuyển giao, ứng dụng và phát triển công nghệ cao của các tổ chức cá nhân hoạt động trong Khu Công nghệ cao.

b) Phê duyệt, chỉ đạo các đơn vị thuộc Ban Quản lý thực hiện nghiên cứu đề tài, dự án khoa học và ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; Có ý kiến về sự phù hợp quy hoạch phát triển khoa học công nghệ đối với các nhiệm vụ nghiên cứu phát triển, đổi mới, chuyển giao, ứng dụng và phát triển công nghệ cao của các tổ chức cá nhân hoạt động trong Khu Công nghệ cao.

c) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân tham gia các chương trình hỗ trợ, hưởng các chính sách ưu đãi cho các hoạt động nghiên cứu phát triển, đổi mới, chuyển giao, ứng dụng và phát triển công nghệ cao, thương mại hóa sản phẩm tại Khu Công nghệ cao theo quy định của pháp luật.

d) Tổ chức đánh giá, thẩm định cơ sở khoa học, thẩm định công nghệ của các dự án đầu tư vào Khu Công nghệ cao và theo dõi, kiểm tra, giám sát trong việc triển khai thực hiện dự án theo quy định của pháp luật.

đ) Tổ chức, triển khai các hoạt động tiếp nhận, quảng bá, trình diễn và chuyển giao công nghệ.

e) Quyết định các lĩnh vực công nghệ ươm tạo, đối tượng ươm tạo và hình thức ươm tạo theo quy định của pháp luật.

g) Quyết định các hình thức hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân, nhóm nghiên cứu tham gia ươm tạo phù hợp với các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước dành cho các hoạt động ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao của quốc gia.

h) Thực hiện kiểm tra giám sát và đề xuất các biện pháp, chế tài trong việc thực hiện các cam kết về nghiên cứu phát triển, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ của doanh nghiệp theo luật định. Hướng dẫn, khuyến khích các doanh nghiệp trong Khu Công nghệ cao thành lập, trích và sử dụng Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ của doanh nghiệp nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp

14. Hợp tác, đầu tư với nước ngoài, đầu tư mạo hiểm và thương mại hóa sản phẩm công nghệ cao

a) Tổ chức các hoạt động đầu tư mạo hiểm cho phát triển công nghệ cao; đề xuất thành lập và tạo điều kiện thuận lợi cho các quỹ đầu tư mạo hiểm công nghệ cao hoạt động.

b) Tổ chức và quản lý các hoạt động nghiên cứu và phát triển các sản phẩm công nghệ cao theo quy định của pháp luật.

15. Tổ chức, hỗ trợ việc đào tạo nguồn nhân lực trong Khu Công nghệ cao; Xây dựng các chuẩn kỹ năng công nghệ, tổ chức sát hạch và cấp chứng chỉ theo các chuẩn kỹ năng.

16. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và đào tạo đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Ban Quản lý theo quy định của pháp luật.

17. Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước trong việc thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quy hoạch, xây dựng, kế hoạch, đầu tư, môi trường, đất đai và các lĩnh vực khác tại Khu Công nghệ cao theo quy định của pháp luật.

18. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản được giao; thu và quản lý sử dụng các loại phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

19. Định kỳ, đột xuất báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, các Bộ, cơ quan có liên quan, Thủ tướng Chính phủ về tình hình đầu tư, xây dựng, phát triển,

quản lý và hoạt động của Khu Công nghệ cao.

20. Thực hiện cải cách hành chính tại Khu Công nghệ cao theo chương trình, kế hoạch cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân thành phố.

21. Tuyên truyền, hướng dẫn các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo của Thành phố đến các doanh nghiệp trong Khu Công nghệ cao;

22. Phối hợp Ban Quản lý các Khu Chế xuất và công nghiệp thành phố khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp của Khu Công nghệ cao tăng cường hợp tác, đầu tư vào các Khu Chế xuất và Công nghiệp nhằm phát triển công nghiệp hỗ trợ phục vụ lĩnh vực công nghệ cao, và góp phần nâng cao trình độ công nghệ của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố.

23. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao và theo quy định của pháp luật.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Lãnh đạo

1. Ban Quản lý có Trưởng ban và không quá 04 Phó Trưởng ban.

2. Trưởng ban Ban Quản lý quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ban quản lý theo quy định của pháp luật và phân cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Trưởng ban Ban Quản lý chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Ban Quản lý. Phó Trưởng ban chịu trách nhiệm trước Trưởng ban và trước pháp luật về các lĩnh vực công tác được phân công; khi Trưởng ban vắng mặt, một Phó Trưởng ban được Trưởng ban ủy quyền điều hành các hoạt động của Ban Quản lý;

4. Việc bổ nhiệm Trưởng ban và Phó Trưởng ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo quy định của pháp luật; việc điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ chính sách khác đối với Trưởng ban, Phó Trưởng ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

1. Các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

- Văn phòng;
- Phòng Quản lý Doanh nghiệp;
- Phòng Xúc tiến Đầu tư;
- Phòng Quản lý Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế;
- Phòng Tài chính - Kế toán;
- Phòng Kế hoạch và Đầu tư;
- Phòng Quản lý Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường.

2. Các đơn vị sự nghiệp:

- a) Trung tâm Đào tạo;
- b) Trung tâm Nghiên cứu triển khai;
- c) Vườn ươm Doanh nghiệp Công nghệ cao;
- d) Ban Quản lý Các dự án Đầu tư xây dựng Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 5. Biên chế

Biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của Ban Quản lý được giao trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng số biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của Thành phố giao.

Chương IV**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 6. Căn cứ Quy chế này, Trưởng ban Ban quản lý có trách nhiệm cụ thể hóa thành chương trình công tác, các mặt hoạt động, phối hợp công tác thuộc phạm vi, thẩm quyền của Ban quản lý, phù hợp với quy định của pháp luật.

Trưởng ban Ban Quản lý chịu trách nhiệm ban hành Nội quy làm việc của Ban Quản lý, tổ chức sắp xếp các phòng-ban, các đơn vị trực thuộc; bố trí cán bộ, công

chức phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, bảo đảm phát huy tốt hiệu lực và hiệu quả quản lý Nhà nước của Ban Quản lý đã được giao.

Điều 7. Trong quá trình thực hiện, nếu xét thấy cần thiết, Trưởng Ban Quản lý chủ động phối hợp với Sở Nội vụ và các đơn vị có liên quan đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế này cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn và quy định của pháp luật hiện hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Phong

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2017/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của
Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT/BKHĐT-BNV ngày 03 tháng 9 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp thành phố tại Tờ trình số 152/TTr-BQL ngày 13 tháng 01 năm 2017 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 420/TTr-SNV ngày 10 tháng 02 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu kể từ ngày 27 tháng 02 năm 2017 và thay thế Quyết định số 30/2009/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng ban Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp, Thủ trưởng các sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Phong

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý
các Khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí, chức năng

1. Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Ban Quản lý) là cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước trực tiếp đối với các khu chế xuất, khu công nghiệp (viết tắt là KCX, KCN) trên địa bàn thành phố và tổ chức cung cấp dịch vụ hành chính công và dịch vụ hỗ trợ khác có liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh cho nhà đầu tư trong KCX, KCN trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật.

2. Ban Quản lý chịu sự chỉ đạo và quản lý về tổ chức, biên chế, chương trình kế hoạch công tác và kinh phí hoạt động của Ủy ban nhân dân thành phố; chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của các Bộ, ngành Trung ương quản lý về ngành, lĩnh vực trong công tác quản lý KCX, KCN; có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố trong công tác quản lý KCX, KCN.

3. Ban Quản lý có tư cách pháp nhân; tài khoản và con dấu mang hình quốc huy; sử dụng kinh phí quản lý hành chính nhà nước, kinh phí hoạt động sự nghiệp và vốn đầu tư phát triển do ngân sách nhà nước cấp theo kế hoạch hàng năm; nguồn kinh phí khác theo quy định pháp luật.

Điều 2. Tên giao dịch bằng tiếng Anh và Trụ sở làm việc

1. Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Ho Chi Minh City Export Processing and

Industrial Zones Authority (viết tắt là Hepza).

2. Trụ sở làm việc: số 35 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Chương II **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Quản lý

Ban Quản lý thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, phân cấp, ủy quyền của cơ quan có thẩm quyền và các nhiệm vụ, quyền hạn khác được Ủy ban nhân dân thành phố giao, cụ thể như sau:

1. Trình Ủy ban nhân dân thành phố

a) Dự thảo văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý;

b) Dự thảo văn bản quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh đối với Trưởng, Phó các đơn vị thuộc Ban Quản lý;

c) Dự thảo Đề án thành lập, tổ chức lại Ban Quản lý theo quy định của pháp luật;

d) Quy chế phối hợp làm việc với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan có liên quan khác để thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo cơ chế một cửa;

đ) Dự thảo Đề án quy hoạch, điều chỉnh bổ sung quy hoạch phát triển các KCX, KCN;

e) Kế hoạch hàng năm và 5 năm về phát triển các KCX, KCN, phát triển nguồn nhân lực và vốn đầu tư phát triển;

g) Dự thảo quyết định, chỉ thị, văn bản; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước về lĩnh vực KCX, KCN thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý theo quy định pháp luật.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố

a) Dự thảo Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, tổ chức lại, giải thể các tổ chức, đơn vị thuộc Ban Quản lý theo quy định của pháp luật;

b) Dự thảo các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về lĩnh vực KCX, KCN.

3. Giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý việc sử dụng vốn ngân sách Nhà nước đầu tư xây dựng, phát triển KCX, KCN.

4. Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án, cơ chế, chính sách về KCX, KCN sau khi được ban hành, phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến, theo dõi thi hành pháp luật về KCX, KCN của thành phố.

5. Về quản lý đầu tư

a) Tiếp nhận, cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các dự án đầu tư trong KCX, KCN và thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư.

b) Tổ chức hoạt động xúc tiến đầu tư theo kế hoạch đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ ngành và Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt; tham gia các chương trình xúc tiến đầu tư vào KCX, KCN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ ngành và Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức; hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư theo thẩm quyền trong quá trình chuẩn bị và triển khai dự án đầu tư; báo cáo định kỳ hoạt động xúc tiến đầu tư tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ủy ban nhân dân thành phố theo Quy chế quản lý nhà nước về xúc tiến đầu tư ban hành kèm theo Quyết định số 03/2014/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế Quản lý nhà nước đối với hoạt động xúc tiến đầu tư;

c) Giải quyết khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư, đánh giá hiệu quả đầu tư trong KCX, KCN; định kỳ hàng quý, 06 tháng và hàng năm, gửi báo cáo hoạt động đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh trong KCX, KCN đến Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

6. Về quản lý môi trường

a) Tổ chức thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án trong KCX, KCN theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố (đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố);

b) Tiếp nhận đăng ký và xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường cho các đối tượng thuộc diện phải đăng ký trong KCX, KCN theo ủy quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường và của Ủy ban nhân dân quận - huyện nơi có KCX, KCN (đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân quận - huyện);

c) Tổ chức thẩm định, phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản của các dự án trong KCX, KCN theo ủy quyền của cơ quan có thẩm quyền;

d) Tổ chức kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án đối với các dự án đầu tư trong KCX, KCN theo pháp luật về bảo vệ môi trường.

7. Về quản lý quy hoạch và xây dựng

a) Cấp Giấy phép quy hoạch cho các dự án đầu tư xây dựng công trình nằm trong phạm vi ranh giới, diện tích được giao quản lý.

b) Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, nhóm C theo quy định của pháp luật và phân cấp, ủy quyền của cơ quan có thẩm quyền.

c) Thẩm định dự án, thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán đối với dự án đầu tư trong KCX, KCN thuộc diện phải thẩm định theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng theo thẩm quyền phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố;

d) Cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại, thu hồi Giấy phép xây dựng công trình đối với công trình xây dựng trong KCX, KCN phải có Giấy phép xây dựng theo phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố;

đ) Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định;

e) Thực hiện các nhiệm vụ về quản lý quy hoạch, xây dựng công trình, chất lượng công trình trong KCX, KCN theo quy định pháp luật về xây dựng và phân cấp, ủy quyền của cơ quan có thẩm quyền.

8. Thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về lao động theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Thông tư số 32/2014/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 12 năm 2014 cụ thể như sau:

a) Tiếp nhận, xem xét, chấp thuận cho từng người sử dụng lao động việc sử dụng lao động nước ngoài đối với từng vị trí công việc theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố;

b) Cấp, cấp lại, thu hồi Giấy phép lao động cho lao động nước ngoài làm việc trong KCX, KCN; xác nhận người lao động nước ngoài làm việc cho các doanh nghiệp trong KCX, KCN không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo ủy quyền của

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

c) Tổ chức thực hiện đăng ký Nội quy lao động, tiếp nhận thỏa ước lao động tập thể theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố; tiếp nhận đăng ký hệ thống thang lương, bảng lương, định mức lao động của doanh nghiệp trong KCX, KCN theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận - huyện;

d) Nhận thông báo về việc cho thôi việc nhiều người lao động, báo cáo về việc cho thuê lại lao động, kết quả đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề hàng năm của doanh nghiệp trong KCX, KCN theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố;

đ) Tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký thực hiện Hợp đồng nhận lao động thực tập của doanh nghiệp trong KCX, KCN, hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức thực tập nâng cao tay nghề có thời gian dưới 90 ngày theo ủy quyền của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

e) Tiếp nhận khai trình việc sử dụng lao động, báo cáo tình hình thay đổi về lao động; nhận thông báo về việc tổ chức làm thêm từ 200 giờ đến 300 giờ trong một năm của doanh nghiệp trong KCX, KCN theo ủy quyền của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

g) Nhận thông báo về địa điểm, địa bàn, thời gian bắt đầu hoạt động và người quản lý, người giữ chức danh chủ chốt của doanh nghiệp cho thuê lại lao động trong KCX, KCN theo ủy quyền của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

h) Thực hiện các nhiệm vụ quản lý lao động trong KCX, KCN, bao gồm: bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động, xây dựng quan hệ lao động, giải quyết tranh chấp lao động, đình công theo quy định pháp luật về lao động hoặc hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

9. Về quản lý thương mại:

a) Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung và gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện thương mại của tổ chức và thương nhân nước ngoài đặt trụ sở tại KCX, KCN theo hướng dẫn của Bộ Công Thương;

b) Cấp Giấy phép kinh doanh, bổ sung mục tiêu kinh doanh đối với hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào KCX, KCN theo quy định của pháp luật, hướng dẫn của Bộ Công Thương và ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố;

c) Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung các loại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, Giấy phép kinh doanh một số mặt hàng thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành cho thương nhân đặt trụ sở và có cơ sở kinh doanh tại KCX, KCN theo hướng dẫn của Bộ Công Thương;

d) Cấp các loại Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa sản xuất trong KCX, KCN theo hướng dẫn, ủy quyền của Bộ Công Thương.

10. Về quản lý đất đai, bất động sản: Tiếp nhận đăng ký khung giá cho thuê đất, cho thuê lại đất và phí hạ tầng KCX, KCN của nhà đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng KCX, KCN và các chức năng, nhiệm vụ khác về quản lý kinh doanh bất động sản theo quy định của pháp luật.

11. Cấp một số loại giấy phép, chứng chỉ trong KCX, KCN theo thẩm quyền, hướng dẫn và ủy quyền của các Bộ, Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan có thẩm quyền.

12. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác:

a) Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phát triển KCX, KCN theo quy định của pháp luật và phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố;

b) Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý Nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực được giao;

c) Tổ chức kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong các lĩnh vực đầu tư, môi trường, lao động, thương mại, xây dựng thuộc phạm vi quản lý Nhà nước được phân cấp, ủy quyền của Ban Quản lý; tham gia thanh tra, tổ chức giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật; thực hiện phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm và chống lãng phí;

d) Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý theo quy định của pháp luật và theo sự phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố;

đ) Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật;

e) Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ trong các lĩnh vực công tác được giao với Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành liên quan; nhận báo cáo thống kê, báo cáo tài chính của doanh nghiệp hoạt động trong KCX, KCN; xây dựng hệ thống thông tin về KCX, KCN trên địa bàn thành phố và kết nối với hệ thống thông tin quốc gia về KCX, KCN;

g) Tổ chức phong trào thi đua và khen thưởng cho doanh nghiệp trong KCX, KCN;

h) Thực hiện những nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và phân công, ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ

Điều 4. Lãnh đạo Ban Quản lý

1. Ban Quản lý làm việc theo chế độ Thủ trưởng. Ban Quản lý có Trưởng ban và không quá 03 Phó Trưởng ban.

2. Trưởng Ban Quản lý là người đứng đầu Ban Quản lý, có trách nhiệm điều hành mọi hoạt động của Ban Quản lý, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố và pháp luật về hoạt động và hiệu quả hoạt động của KCX, KCN; phối hợp với người đứng đầu các Sở, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Quản lý.

3. Phó Trưởng Ban Quản lý là người giúp Trưởng ban, chịu trách nhiệm trước Trưởng ban và trước pháp luật về các nhiệm vụ được phân công; khi Trưởng ban vắng mặt, một Phó Trưởng ban được Trưởng ban ủy quyền điều hành các hoạt động của Ban Quản lý.

4. Việc bổ nhiệm Trưởng ban và Phó Trưởng ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo quy định của pháp luật; việc điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ chính

sách khác đối với Trưởng ban, Phó Trưởng ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Cơ cấu tổ chức

1. Các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

- Văn phòng Ban Quản lý;
- Phòng Kế hoạch Tổng hợp;
- Phòng Quản lý Đầu tư;
- Phòng Quản lý Doanh nghiệp;
- Phòng Quản lý Lao động;
- Phòng Quản lý Môi trường;
- Phòng Quản lý Quy hoạch và Xây dựng;
- Phòng Hỗ trợ và Giám sát hoạt động đầu tư.

2. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ban Quản lý:

- Trung tâm Dịch vụ việc làm và Hỗ trợ doanh nghiệp các Khu chế xuất và công nghiệp thành phố (JESC);
- Trường Cao đẳng bán công Công nghệ và Quản trị doanh nghiệp (CTIM).

Điều 6. Biên chế

Biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của Ban Quản lý được giao trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng số biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của thành phố giao.

Chương IV QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 7. Đối với các Bộ, ngành Trung ương

1. Ban Quản lý chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của các Bộ, ngành Trung ương quản lý về ngành, lĩnh vực.

2. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất với Bộ, ngành Trung ương về tình hình thực hiện nhiệm vụ trong các lĩnh vực được giao; kiến nghị, đề xuất với Bộ, ngành Trung ương những khó khăn, vướng mắc hoặc cơ chế, chính sách trong quản lý Nhà nước đối với KCX, KCN.

Điều 8. Đối với Ủy ban nhân dân thành phố

1. Ban Quản lý chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức, biên chế, chương trình kế hoạch công tác và kinh phí hoạt động.

2. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình và kết quả hoạt động của KCX, KCN và của Ban Quản lý với Ủy ban nhân dân thành phố. Đối với những vấn đề vướng mắc vượt thẩm quyền, Ban Quản lý phải báo cáo kịp thời với Ủy ban nhân dân thành phố để chỉ đạo, giải quyết; thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quyết định, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố đối với các lĩnh vực được phân công, ủy quyền.

Điều 9. Đối với các sở - ngành và Ủy ban nhân dân quận - huyện

Ban Quản lý phối hợp với các sở - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện để thực hiện nhiệm vụ được giao theo Quy chế phối hợp quản lý Nhà nước đối với các KCX, KCN do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

Ban Quản lý chủ động bàn bạc, trao đổi với các sở - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ phối hợp công tác để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao; phối hợp cùng nhau giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh; trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định những vấn đề chưa thống nhất giữa công tác phối hợp với sở - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện.

Điều 10. Quan hệ với các Công ty phát triển hạ tầng KCX, KCN

Ban Quản lý thực hiện quản lý đối với các Công ty phát triển hạ tầng về tổ chức xây dựng và quản lý thực hiện quy hoạch, tiến độ xây dựng các công trình hạ tầng trong KCX, KCN; Hướng dẫn, giám sát, kiểm tra việc thu và sử dụng phí duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng theo Quy chế do Bộ Tài chính ban hành; Xây dựng chương trình và cùng vận động đầu tư trong và ngoài nước vào KCX, KCN.

Điều 11. Quan hệ với các doanh nghiệp trong KCX, KCN

1. Ban Quản lý thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp đang hoạt động trong KCX, KCN; quản lý và tổ chức thực hiện cung ứng dịch vụ

hành chính công, dịch vụ hỗ trợ khác có liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh cho nhà đầu tư trong KCX, KCN theo cơ chế “một cửa tại chỗ”.

2. Ban Quản lý phối hợp với các sở - ngành chức năng trong việc quản lý, hỗ trợ, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, trong khuôn khổ chính sách pháp luật, chế độ, quy định của Nhà nước.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành, địa phương có trách nhiệm phối hợp thực hiện đúng nội dung Quy chế này.

Điều 13. Căn cứ Quy chế này, Trưởng ban Quản lý có trách nhiệm ban hành Nội quy, Quy chế làm việc của Ban Quản lý, tổ chức sắp xếp các Phòng chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc; bố trí cán bộ, công chức phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, bảo đảm phát huy tốt hiệu lực và hiệu quả quản lý Nhà nước của Ban Quản lý đã được giao.

Điều 14. Trong quá trình thực hiện, nếu xét thấy cần thiết, Trưởng ban Quản lý chủ động phối hợp với Sở Nội vụ và các đơn vị có liên quan đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế này cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn và quy định của pháp luật hiện hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Phong

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2017/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý Nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 11/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 4152/GDDĐT-TC ngày 01 tháng 12 năm 2016 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 352/TTr-SNV ngày 25 tháng 01 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 16/2013/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân

Thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các Sở, ngành Thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Thu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND

Ngày 22 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Sở Giáo dục và Đào tạo là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh; thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo ở địa phương theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân thành phố; chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Sở Giáo dục và Đào tạo có tên giao dịch bằng tiếng Anh là: Department of Education and Training HCMC (viết tắt DOET HCMC).

Trụ sở làm việc của Sở Giáo dục và Đào tạo đặt tại số 66-68 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Trình Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Dự thảo quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 05 năm và hàng năm; chương trình, dự án, đề án; biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước về lĩnh vực giáo dục và đào tạo ở Thành phố;

b) Dự thảo mức thu học phí, lệ phí tuyển sinh đối với các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý của Thành phố để Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định theo quy định của pháp luật;

c) Dự thảo văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo;

d) Dự thảo hướng dẫn cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Giáo dục và Đào tạo theo quy định tại Khoản 1, Điều 10 Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Thông tư liên tịch số 11/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (viết tắt Thông tư liên tịch số 11/2015/TTLT-BGDĐT-BNV) và các văn bản pháp luật khác liên quan;

đ) Dự thảo văn bản quy định cụ thể điều kiện, tiêu chuẩn, chức danh đối với người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu các đơn vị thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Dự thảo các quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể, đối với các đơn vị thuộc Sở;

b) Dự thảo các quyết định cho phép thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể, chuyển đổi loại hình các cơ sở giáo dục (bao gồm cả các cơ sở giáo dục có sự tham gia đầu tư của các tổ chức, cá nhân nước ngoài) trực thuộc Sở;

c) Dự thảo quyết định, chỉ thị cá biệt trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến, giáo dục, theo dõi thi hành pháp luật về giáo dục thuộc phạm vi quản lý được giao.

4. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về việc xác nhận, đăng ký, cấp giấy phép, văn bằng, chứng chỉ thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố.

5. Tổ chức ứng dụng các kinh nghiệm, thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến trong giáo dục; tổng kết kinh nghiệm, sáng kiến của Thành phố; quản lý công tác nghiên cứu khoa học, công nghệ trong các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý của Sở.

6. Tổ chức, xây dựng, nhân điển hình tiên tiến và thực hiện công tác thi đua, khen thưởng về giáo dục ở Thành phố.

7. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện, kiểm tra, thanh tra các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở, các Phòng Giáo dục và Đào tạo về thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung, kế hoạch giáo dục, quy chế chuyên môn, việc thực hiện chính sách đối với người học, các điều kiện đảm bảo của các cơ sở giáo dục công lập; công tác tuyển sinh, thi, xét duyệt, cấp văn bằng, chứng chỉ, kiểm định chất lượng giáo dục; công tác phổ cập giáo dục, chống mù chữ, xây dựng xã hội học tập ở Thành phố và các hoạt động giáo dục khác theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Hướng dẫn xây dựng và tổng hợp kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, công chức, viên chức của các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý của Sở; tổ chức thực hiện sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

9. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực để phát triển giáo dục ở địa phương; kiểm tra việc thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở theo quy định của pháp luật.

10. Quyết định mở ngành đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp đối với trường trung cấp chuyên nghiệp trực thuộc Sở theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tổ chức kiểm tra và xác nhận các điều kiện thực tế về đội ngũ giảng viên cơ hữu, trang thiết bị phục vụ đào tạo, thư viện khi các cơ sở đào tạo đề nghị.

11. Quyết định cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

12. Giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước về các hoạt động có liên quan đến lĩnh vực giáo dục của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân ở Thành phố; hướng dẫn và kiểm tra hoạt động của các hội, tổ chức phi chính phủ trong lĩnh vực giáo dục ở

Thành phố theo quy định của pháp luật.

13. Giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước các tổ chức dịch vụ du học tự túc theo quy định của pháp luật; thực hiện hợp tác quốc tế về lĩnh vực giáo dục theo quy định của pháp luật và của Ủy ban nhân dân thành phố.

14. Giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật về giáo dục trong việc bảo đảm các điều kiện thành lập trường, hoạt động giáo dục, mở ngành đào tạo, công khai chất lượng giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

15. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức thuộc Sở và các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở.

16. Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định các điều kiện, tiêu chuẩn để cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đầu tư về giáo dục đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài; cấp, thu hồi giấy phép hoạt động; hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục có sự tham gia đầu tư của tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật.

17. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư cụ thể hóa các tiêu chuẩn, định mức kinh phí giáo dục Thành phố; hướng dẫn xây dựng và lập dự toán ngân sách giáo dục hàng năm đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở; quyết định giao dự toán chi ngân sách giáo dục đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở sau khi đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; xác định, cân đối ngân sách nhà nước chi cho giáo dục hàng năm trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra việc sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn thu hợp pháp khác của các cơ sở giáo dục ở Thành phố.

18. Thực hiện cải cách hành chính, công tác thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí; công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị có liên quan đến giáo dục và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

19. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các cơ sở trực thuộc; thực hiện chế độ tiền lương và chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố.

20. Quản lý về tài chính, tài sản, cơ sở vật chất được giao theo quy định của

pháp luật và của Ủy ban nhân dân thành phố.

21. Thực hiện thống kê, thông tin, báo cáo định kỳ và hàng năm, báo cáo đột xuất về tổ chức và hoạt động giáo dục của Thành phố với Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

22. Thực hiện nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao và theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 3. Lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Sở Giáo dục và Đào tạo có Giám đốc và 03 Phó Giám đốc. Đồng thời, tiếp tục duy trì số lượng Phó Giám đốc hiện có để đảm bảo ổn định và chỉ được bổ sung thêm Phó Giám đốc khi số lượng Phó Giám đốc hiện có chưa đạt đủ số lượng quy định là 03 Phó Giám đốc.

2. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo. Trách nhiệm cụ thể của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo như sau:

a) Căn cứ các quy định hiện hành của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân thành phố, ban hành quy chế làm việc của Sở và chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện;

b) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo và các công việc được Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phân công hoặc ủy quyền. Đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền hoặc đúng thẩm quyền nhưng không đủ khả năng và điều kiện giải quyết thì Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo phải chủ động làm việc với Giám đốc Sở có liên quan để hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định;

c) Có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; Bộ, cơ quan ngang Bộ về tổ chức, hoạt động giáo dục của Sở Giáo dục và Đào tạo; báo cáo công tác, cung cấp tài liệu trước Hội đồng nhân dân thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố khi có yêu cầu; trả lời kiến nghị của cử tri, chất vấn của đại

biểu Hội đồng nhân dân thành phố về những vấn đề liên quan đến giáo dục và đào tạo trên địa bàn Thành phố; phối hợp với Giám đốc Sở, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ của Sở Giáo dục và Đào tạo.

d) Căn cứ quy định về phân cấp quản lý tổ chức cán bộ của Ủy ban nhân dân thành phố để quyết định: Bỏ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, luân chuyển, cách chức, giáng chức người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở (không bao gồm người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm thuộc Sở); công nhận, không công nhận hội đồng trường các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở; công nhận, không công nhận hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng quản trị, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng các cơ sở giáo dục ngoài công lập thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân thành phố, bao gồm cả các trường cao đẳng tư thục đóng trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

3. Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo là người giúp Giám đốc Sở phụ trách một hoặc một số mặt công tác, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Sở vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được Giám đốc Sở ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Sở.

4. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ chính sách khác đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo được tổ chức 11 phòng, bao gồm:

- Văn phòng;
- Thanh tra;
- Phòng Tổ chức cán bộ;
- Phòng Kế hoạch - Tài chính;
- Phòng Chính trị, tư tưởng;
- Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục;
- Phòng Giáo dục Mầm non;
- Phòng Giáo dục Tiểu học;

- Phòng Giáo dục Trung học;
- Phòng Giáo dục Chuyên nghiệp - Đại học;
- Phòng Giáo dục Thường xuyên.

(Sau khi bàn giao bộ phận giáo dục chuyên nghiệp về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội sẽ còn 10 phòng theo đúng quy định tại Khoản 1, Điều 4 Thông tư liên tịch số 11/2015/TTLT-BGDĐT-BNV)

2. Các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, gồm: Trường cao đẳng; trường trung cấp chuyên nghiệp (không bao gồm trường cao đẳng; trường trung cấp chuyên nghiệp của các Bộ, ngành đóng trên địa bàn Thành phố); trường trung học phổ thông; trường phổ thông có nhiều cấp học, trong đó có cấp học trung học phổ thông; trung tâm kỹ thuật tổng hợp-hướng nghiệp; trung tâm giáo dục thường xuyên; trung tâm ngoại ngữ, tin học; trường, lớp dành cho người khuyết tật; trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập và các cơ sở giáo dục trực thuộc khác thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 5. Biên chế của Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Biên chế công chức, số lượng người làm việc của Sở Giáo dục và Đào tạo được giao trên cơ sở vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng biên chế công chức, tổng số lượng người làm việc của các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của Thành phố được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và danh mục vị trí việc làm, cơ cấu chức danh công chức, viên chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hàng năm Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc theo quy định của pháp luật bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao trình Ủy ban nhân dân thành phố.

Chương IV QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 6. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ sự chỉ đạo, lãnh đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và sự hướng dẫn về nghiệp vụ, chuyên môn của các cơ quan chuyên môn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo sự thống nhất của ngành

trong cả nước và sự phân cấp quản lý của Trung ương. Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm báo cáo tình hình, kết quả hoạt động và kế hoạch công tác định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; dự đầy đủ các cuộc họp, hội nghị do Bộ Giáo dục và Đào tạo triệu tập.

2. Về các chủ trương lớn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo phải báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố để triển khai thực hiện. Các chủ trương lớn của Ủy ban nhân dân thành phố có liên quan đến nghiệp vụ quản lý ngành, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo phải báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo để có hướng dẫn chỉ đạo về mặt chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Trường hợp Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa nhất trí với chủ trương của Ủy ban nhân dân thành phố hoặc những chủ trương quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo mà Sở Giáo dục và Đào tạo xét thấy không phù hợp với tình hình thực tiễn của Thành phố hoặc chưa thống nhất với chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo kịp thời báo cáo và đề xuất kiến nghị cụ thể để Ủy ban nhân dân thành phố làm việc với Bộ trưởng, hoặc kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định.

Điều 7. Đối với Hội đồng nhân dân thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố

1. Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm báo cáo những vấn đề liên quan đến ngành giáo dục và đào tạo của Thành phố cho Ủy ban nhân dân thành phố và Hội đồng nhân dân thành phố; chuẩn bị các nội dung để trả lời chất vấn, kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố những vấn đề liên quan đến ngành giáo dục và đào tạo.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo chịu sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố và sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân thành phố đối với các hoạt động quản lý Nhà nước về giáo dục và đào tạo. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm báo cáo định kỳ, đột xuất tình hình và kế hoạch tổ chức hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo cho Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định; tham gia đầy đủ các cuộc họp do Ủy ban nhân dân thành phố triệu tập, tổ chức và kiểm tra việc thực hiện các quyết định, chỉ thị, công văn của Ủy ban nhân dân thành phố đối với các vấn đề có liên quan đến cơ quan, đơn vị trong ngành giáo dục và đào tạo Thành phố.

3. Đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền của Giám đốc Sở và những vấn đề đang được bàn bạc giữa các Giám đốc Sở - ngành hoặc giữa Giám đốc Sở với Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận chưa nhất trí, tùy theo tính chất và phạm vi vấn đề

Giám đốc Sở báo cáo, xin ý kiến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố để xem xét, quyết định.

Điều 8. Đối với Sở, ban, ngành Thành phố

1. Mọi quan hệ giữa các Sở, ban, ngành là quan hệ phối hợp và tạo điều kiện cho nhau cùng thực hiện tốt các nhiệm vụ quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực công tác và đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được Ủy ban nhân dân thành phố giao.

2. Khi giải quyết vấn đề thuộc thẩm quyền của Sở có liên quan đến Sở, ban, ngành khác, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ động bàn bạc, lấy ý kiến Thủ trưởng các Sở, ban, ngành đó (bằng văn bản). Nếu Sở, ban, ngành được hỏi ý kiến sau thời hạn quy định (theo chế độ làm việc) không trả lời thì coi như đã đồng ý với đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Điều 9. Đối với Ủy ban nhân dân các quận, huyện

1. Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân các quận, huyện thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về ngành lĩnh vực do Sở Giáo dục và Đào tạo phụ trách theo nội dung được phân cấp quản lý, tạo điều kiện để các quận, huyện làm tốt trách nhiệm, nhiệm vụ của mình trong việc quản lý ngành, lĩnh vực công tác trên địa bàn địa phương.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ cho Phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện.

3. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo trực tiếp làm việc với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện hoặc ủy quyền cho Phó Giám đốc Sở làm việc và giải quyết những vấn đề liên quan công việc thuộc ngành quản lý; nếu có ý kiến khác nhau, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành, địa phương có trách nhiệm phối hợp thực hiện đúng nội dung Quy chế này.

Điều 11. Trong quá trình thực hiện, nếu xét thấy cần thiết, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân

thành phố xem xét quyết định việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế này cho phù hợp với yêu cầu, thực tiễn và quy định của pháp luật hiện hành*(đính kèm Phụ lục)*./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Thu

PHỤ LỤC
CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND
ngày 22 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Khối Trung học phổ thông

1. Trường Trung học phổ thông Bùi Thị Xuân;
2. Trường Trung học phổ thông Trưng Vương;
3. Trường Trung học phổ thông chuyên Trần Đại Nghĩa
4. Trường Trung học phổ thông Ten Lơ Man
5. Trường Trung học phổ thông Lương Thế Vinh
6. Trường Trung học phổ thông Giồng Ông Tố
7. Trường Trung học phổ thông Thủ Thiêm
8. Trường Trung học phổ thông Lê Quý Đôn
9. Trường Trung học phổ thông Nguyễn Thị Minh Khai
10. Trường Trung học phổ thông Marie Curie
11. Trường Trung học phổ thông Nguyễn Thị Diệu
12. Trường Trung học phổ thông Nguyễn Trãi
13. Trường Trung học phổ thông Nguyễn Hữu Thọ
14. Trường Trung học phổ thông Hùng Vương
15. Trường Trung học phổ thông chuyên Lê Hồng Phong
16. Trường Trung học phổ thông Trần Khai Nguyên
17. Trường Trung học phổ thông Trần Hữu Trang
18. Trường Trung học phổ thông Mạc Đĩnh Chi
19. Trường Trung học phổ thông Bình Phú
20. Trường Trung học phổ thông Nguyễn Tất Thành
21. Trường Trung học phổ thông Lê Thánh Tôn
22. Trường Trung học phổ thông Ngô Quyền
23. Trường Trung học phổ thông Tân Phong
24. Trường Trung học phổ thông Nam Sài Gòn
25. Trường Trung học phổ thông Lương Văn Can
26. Trường Trung học phổ thông Ngô Gia Tự

27. Trường Trung học phổ thông Tạ Quang Bửu
28. Trường Trung học phổ thông chuyên năng khiếu thể dục thể thao Nguyễn Thị Định
29. Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Linh
30. Trường Trung học phổ thông Võ Văn Kiệt
31. Trường Trung học phổ thông Nguyễn Huệ
32. Trường Trung học phổ thông Phước Long
33. Trường Trung học phổ thông Long Trường
34. Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Tăng
35. Trường Trung học phổ thông Nguyễn Du
36. Trường Trung học phổ thông Nguyễn Khuyến
37. Trường Trung học phổ thông Nguyễn An Ninh
38. Trường Trung học phổ thông Sương Nguyệt Anh
39. Trường Trung học phổ thông Diên Hồng
40. Trường Trung học phổ thông Nguyễn Hiền
41. Trường Trung học phổ thông Nam Kỳ Khởi Nghĩa
42. Trường Trung học phổ thông Trần Quang Khải
43. Trường Trung học phổ thông Thạnh Lộc
44. Trường Trung học phổ thông Võ Trường Toản
45. Trường Trung học phổ thông Trường Chinh
46. Trường Trung học phổ thông Thanh Đa
47. Trường Trung học phổ thông Gia Định
48. Trường Trung học phổ thông Võ Thị Sáu
49. Trường Trung học phổ thông Phan Đăng Lưu
50. Trường Trung học phổ thông Hoàng Hoa Thám
51. Trường Trung học phổ thông Trần Văn Giàu
52. Trường Trung học phổ thông Gò Vấp
53. Trường Trung học phổ thông Nguyễn Công Trứ
54. Trường Trung học phổ thông Trần Hưng Đạo
55. Trường Trung học phổ thông Nguyễn Trung Trực
56. Trường Trung học phổ thông Lý Thường Kiệt
57. Trường Trung học phổ thông Nguyễn Hữu Cầu
58. Trường Trung học phổ thông Bà Điểm

59. Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Cừ
60. Trường Trung học phổ thông Nguyễn Hữu Tiến
61. Trường Trung học phổ thông Phạm Văn Sáng
62. Trường Trung học phổ thông Phú Nhuận
63. Trường Trung học phổ thông Hàn Thuyên
64. Trường Trung học phổ thông Quốc tế Việt - Úc
65. Trường Trung học phổ thông Nguyễn Thượng Hiền
66. Trường Trung học phổ thông Nguyễn Chí Thanh
67. Trường Trung học phổ thông Nguyễn Thái Bình
68. Trường Trung học phổ thông Trần Phú
69. Trường Trung học phổ thông Tân Bình
70. Trường Trung học phổ thông Tây Thạnh
71. Trường Trung học phổ thông Nguyễn Hữu Huân
72. Trường Trung học phổ thông Thủ Đức
73. Trường Trung học phổ thông Tam Phú
74. Trường Trung học phổ thông Hiệp Bình
75. Trường Trung học phổ thông Đào Sơn Tây
76. Trường Trung học phổ thông An Nhơn Tây
77. Trường Trung học phổ thông Củ Chi
78. Trường Trung học phổ thông Trung Phú
79. Trường Trung học phổ thông Quang Trung
80. Trường Trung học phổ thông Trung Lập
81. Trường Trung học phổ thông Phú Hòa
82. Trường Trung học phổ thông Tân Thông Hội
83. Trường Trung học phổ thông Đa Phước
84. Trường Trung học phổ thông Bình Chánh
85. Trường Trung học phổ thông Lê Minh Xuân
86. Trường Trung học phổ thông Tân Túc
87. Trường Trung học phổ thông Vĩnh Lộc B
88. Trường Trung học phổ thông An Lạc
89. Trường Trung học phổ thông Vĩnh Lộc
90. Trường Trung học phổ thông Nguyễn Hữu Cảnh

91. Trường Trung học phổ thông Bình Hưng Hòa
92. Trường Trung học phổ thông Bình Tân
93. Trường Trung học phổ thông Bình Khánh
94. Trường Trung học phổ thông Cần Thạnh
95. Trường Trung học phổ thông An Nghĩa
96. Trường Trung học phổ thông Long Thới
97. Trường Trung học phổ thông Phước Kiển
98. Trường Trung học phổ thông Dương Văn Dương

Khối Trung tâm Giáo dục thường xuyên

99. Trung tâm Giáo dục thường xuyên Quận 1
100. Trung tâm Giáo dục thường xuyên Lê Quý Đôn
101. Trung tâm Giáo dục thường xuyên Quận 2
102. Trung tâm Giáo dục thường xuyên Quận 3
103. Trung tâm Giáo dục thường xuyên Quận 4
104. Trung tâm Giáo dục thường xuyên Quận 5
105. Trung tâm Giáo dục thường xuyên Chu Văn An
106. Trung tâm Giáo dục thường xuyên Tiếng Hoa
107. Trung tâm Giáo dục thường xuyên Quận 6
108. Trung tâm Giáo dục thường xuyên Quận 7
109. Trung tâm Giáo dục thường xuyên Quận 8
110. Trung tâm Giáo dục thường xuyên Quận 9
111. Trung tâm Giáo dục thường xuyên Quận 10
112. Trung tâm Giáo dục thường xuyên Quận 11
113. Trung tâm Giáo dục thường xuyên Quận 12
114. Trung tâm Giáo dục thường xuyên quận Phú Nhuận
115. Trung tâm Giáo dục thường xuyên quận Bình Thạnh
116. Trung tâm Giáo dục thường xuyên quận Tân Bình
117. Trung tâm Giáo dục thường xuyên quận Tân Phú
118. Trung tâm Giáo dục thường xuyên quận Gò Vấp
119. Trung tâm Giáo dục thường xuyên quận Thủ Đức
120. Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện Hóc Môn
121. Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện Củ Chi

- 122. Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện Bình Chánh
- 123. Trung tâm Giáo dục thường xuyên quận Bình Tân
- 124. Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện Nhà Bè
- 125. Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện Cần Giờ

Khởi trực thuộc

- 126. Trung tâm Giáo dục kỹ thuật tổng hợp và hướng nghiệp Lê Thị Hồng Gấm
- 127. Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập cho Người Khuyết tật
- 128. Trường Mầm non 19/5 Thành phố
- 129. Trường Mầm non Thành phố
- 130. Trường Mầm non Nam Sài Gòn
- 131. Trường Trung cấp Kinh tế -Kỹ thuật Nguyễn Hữu Cảnh
- 132. Trường Trung cấp Kỹ thuật và Nghiệp vụ Nam Sài Gòn
- 133. Trường Trung cấp Kinh tế-Kỹ thuật Quận 12
- 134. Trường Trung cấp Kinh tế-Kỹ thuật Học Môn
- 135. Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh
- 136. Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
- 137. Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh
- 138. Trường Cao đẳng Công Nghệ Thủ Đức
- 139. Trường Phổ thông đặc biệt Nguyễn Đình Chiểu
- 140. Báo Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh
- 141. Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh
- 142. Ban Quản lý đầu tư xây dựng các công trình thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo
- 143. Trung tâm Thông tin và chương trình giáo dục.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 713/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về ban hành Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển Rừng số ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 109/2003/NĐ-CP ngày 23 tháng 09 năm 2003 của Chính phủ về bảo tồn và phát triển các vùng đất ngập nước;

Căn cứ Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ

quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

Căn cứ Quyết định số 1570/QĐ-TTg ngày 6 tháng 9 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2295/QĐ-TTg ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược Quản lý tổng hợp đới bờ Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 798/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 914/QĐ-TTg ngày 27 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Quản lý tổng hợp đới bờ Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về Thành lập Ban điều phối thực hiện Chiến lược Quản lý tổng hợp đới bờ Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 928/BC-TTr-STNMT-TNNKS ngày 24 tháng 01 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên

và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Khoa

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH

Quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 713/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2017
của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)*

I. QUAN ĐIỂM

- Tài nguyên và môi trường vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh có ý nghĩa và vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng, chủ quyền quốc gia, là cơ sở nền tảng vững chắc để thành phố tiến nhanh và tiến vững chắc ra biển.

- Đổi mới tư duy và phương thức quản lý tài nguyên môi trường vùng bờ nhằm khắc phục tính phân tán trong cách tiếp cận quản lý đơn ngành; tập trung vào giải quyết các vấn đề đa ngành, đa mục tiêu, liên vùng để hướng tới phát triển bền vững vùng bờ về mặt môi trường, sinh thái, kinh tế và xã hội.

- củng cố, hoàn thiện thể chế, chính sách và pháp luật về quản lý tổng hợp vùng bờ, góp phần vào quá trình hoàn thiện và vận hành thông suốt thể chế quản lý tổng hợp, thống nhất vùng bờ và thực hiện có hiệu quả Chiến lược quốc gia về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Chiến lược Quản lý tổng hợp vùng bờ Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Hạn chế đến mức thấp nhất các mâu thuẫn, xung đột lợi ích giữa bảo vệ, bảo tồn với khai thác tài nguyên, phát triển kinh tế; tạo lập sinh kế bền vững cho các cộng đồng dân cư ven biển, tăng cường năng lực và khả năng ứng phó với sự cố môi trường, thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Thúc đẩy mạnh mẽ sự tham gia của các tổ chức xã hội và cộng đồng dân cư vào các hoạt động quản lý, bảo vệ tài nguyên và môi trường vùng bờ; vào các quá trình lập chương trình, quy hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên và không gian của vùng bờ.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Quản lý, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh một cách hiệu quả, bền vững; góp phần bảo đảm an ninh quốc phòng, đồng thời phát triển kinh tế và nâng cao mức sống của cộng đồng dân cư địa phương.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020

- Củng cố, hoàn thiện thể chế, chính sách, quy hoạch và quy chế phối hợp giữa các bên liên quan trong quản lý tổng hợp vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh;

- Khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên vùng bờ; đảm bảo hài hòa lợi ích giữa phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường; bảo vệ và từng bước phục hồi tính đa dạng sinh học của rừng ngập mặn; ngăn ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực do con người, tự nhiên và biến đổi khí hậu đến tài nguyên và môi trường vùng bờ;

- Đào tạo, nâng cao nhận thức cho các bên liên quan và cộng đồng về quản lý tổng hợp vùng bờ, các tài nguyên, giá trị tự nhiên và những đe dọa từ tự nhiên đến đời sống, sinh kế của cộng đồng dân cư vùng bờ;

- Tăng cường sự tham gia của cộng đồng và các tổ chức dân sự xã hội trong quá trình xây dựng các chính sách và triển khai thực hiện các hoạt động liên quan đến quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ.

III. PHẠM VI

1. Phạm vi không gian: Toàn bộ diện tích đất liền của huyện Cần Giờ và vùng biển ven bờ có ranh giới ngoài cách mép bờ đến 6 hải lý (khoảng 11 km) từ vịnh Gành Rái đến cửa Soài Rạp.

2. Phạm vi thời gian: Từ năm 2017 đến năm 2020.

3. Phạm vi không gian và thời gian nêu trên chỉ mang tính tương đối. Mỗi hoạt động cụ thể trong chương trình có thể được thực hiện trong một phạm vi hẹp hơn hoặc rộng hơn tùy thuộc vào tính chất, đặc điểm của hoạt động.

IV. NỘI DUNG

1. Xây dựng và ban hành các hướng dẫn về quản lý tổng hợp vùng bờ

a) Hoạt động 1: Xây dựng và thể chế hóa cơ chế điều phối, phối hợp đa ngành, đa bên phục vụ quản lý tổng hợp vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh.

- Mục tiêu: thúc đẩy sự phối hợp, cộng tác hiệu quả giữa các ngành, các bên liên quan trong việc quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ; tránh sự mâu thuẫn, chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ giữa các ngành, các bên liên quan; tăng cường tính nhất quán, sự thống nhất trong quá trình ra quyết định; giảm thiểu các xung đột lợi ích giữa các ngành và các bên liên quan trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên và không gian vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các nội dung chính:

+ Đánh giá thực trạng tổ chức bộ máy, pháp luật và chính sách hiện hành liên quan đến quản lý tổng hợp vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Xác định các ngành, các bên có liên quan chính trong việc quản lý tổng hợp vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Phân tích làm rõ các chức năng, nhiệm vụ theo quy định pháp luật của các ngành, các bên có liên quan chính;

+ Phân tích đánh giá những lỗ hổng, sự chồng chéo và các vấn đề còn tồn tại, mâu thuẫn trong hệ thống thể chế, chính sách, pháp luật hiện hành liên quan đến quản lý tổng hợp vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Xây dựng cơ chế thích hợp, hiệu quả để điều phối công tác quản lý tổng hợp vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Xác định cơ cấu tổ chức bộ máy, nguồn lực cần thiết để triển khai thực hiện hiệu quả công tác quản lý tổng hợp vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh.

- Kết quả:

+ Xây dựng và trình cấp thẩm quyền ban hành “Quy chế phối hợp quản lý tổng hợp vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh”;

+ Tổ chức bộ máy thực hiện quản lý tổng hợp vùng bờ được hoàn thiện và vận hành có hiệu quả;

+ Các hướng dẫn cần thiết cho việc ra quyết định đối với các vấn đề nhạy cảm, xung đột lợi ích trong khai thác sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường

vùng bờ.

b) Hoạt động 2: Xây dựng và thực hiện hệ thống thông tin tổng hợp phục vụ quản lý tổng hợp vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh, kết nối với hệ thống cấp trung ương.

- Mục tiêu: Cung cấp hệ thống thông tin tổng hợp, đầy đủ, kịp thời để hỗ trợ cho các bên liên quan trong việc hoạch định chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và ra quyết định về quản lý tổng hợp vùng bờ hướng tới mục tiêu tăng trưởng xanh và phát triển bền vững; đảm bảo việc quản lý thống nhất và kết nối, chia sẻ hiệu quả thông tin, dữ liệu giữa các ngành và các bên liên quan, cũng như giữa Thành phố Hồ Chí Minh với trung ương và các địa phương liên kề.

- Các nội dung chính:

+ Phân tích, xác định các nhu cầu về thông tin, dữ liệu cần thiết phục vụ công tác quản lý tổng hợp vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Tiến hành thu thập các thông tin, dữ liệu sẵn có và sàng lọc để xác định các khoảng trống về mặt thông tin, dữ liệu theo các nhu cầu sử dụng đã xác định;

+ Điều tra, khảo sát, nghiên cứu bổ sung để hoàn thiện hệ thống thông tin, dữ liệu theo nhu cầu sử dụng;

+ Phân tích, lựa chọn mô hình và công cụ thích hợp cho việc quản lý, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các bên có liên quan;

+ Trình diễn mô hình hệ thống thông tin tổng hợp phục vụ quản lý tổng hợp vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh và điều chỉnh, khắc phục những sai sót có thể có;

+ Xây dựng cơ chế quản lý và chia sẻ thông tin.

- Kết quả: Hệ thống thông tin tổng hợp phục vụ quản lý tổng hợp vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh được hoàn thiện, vận hành thông suốt, sẵn sàng kết nối với hệ thống của trung ương và các địa phương liên kề.

c) Hoạt động 3: Xây dựng quy chế quản lý, khai thác và sử dụng quỹ đất bãi bồi, đất mặt nước ven sông, ven biển và đất sông ngòi kênh rạch trên địa bàn huyện Cần Giờ.

- Mục tiêu: Tạo cơ sở pháp lý cho việc quản lý, khai thác và sử dụng hợp lý, có

hiệu quả quỹ đất bãi bồi, đất mặt nước ven sông, ven biển và đất sông ngòi kênh rạch trên địa bàn huyện Cần Giờ.

- *Các nội dung chính:*

+ Khảo sát, thống kê và lập bản đồ hiện trạng đất bãi bồi, đất mặt nước ven sông, ven biển và đất sông ngòi kênh rạch trên địa bàn huyện Cần Giờ.

+ Điều tra, thống kê, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng quỹ đất bãi bồi, đất mặt nước ven sông, ven biển và đất sông ngòi kênh rạch trên địa bàn huyện Cần Giờ.

+ Xây dựng quy chế quản lý, khai thác và sử dụng quỹ đất bãi bồi, đất mặt nước ven sông, ven biển và đất sông ngòi kênh rạch trên địa bàn huyện Cần Giờ.

- Kết quả: Quy chế quản lý, khai thác và sử dụng quỹ đất bãi bồi, đất mặt nước ven sông, ven biển và đất sông ngòi kênh rạch trên địa bàn huyện Cần Giờ được cơ quan thẩm quyền ban hành.

2. Khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học vùng bờ

a) Hoạt động 1: Rà soát, đo đạc bổ sung thành lập bản đồ địa hình đáy biển (tỷ lệ 1/10.000) vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh đến 6 hải lý từ bờ.

- Mục tiêu: Làm cơ sở cho công tác quản lý và bảo vệ tài nguyên biển.

- Các nội dung chính:

+ Rà soát các bản đồ địa hình đáy biển đã có từ trước đến nay ở khu vực này;

+ Tiến hành khảo sát, đo đạc bổ sung địa hình đáy biển phục vụ thành lập bản đồ địa hình đáy biển (tỷ lệ 1/10.000) vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh đến 6 hải lý từ bờ;

+ Xử lý, biên hội các dữ liệu thu thập được và kết quả khảo sát, đo đạc bổ sung và thành lập bản đồ địa hình đáy biển (tỷ lệ 1/10.000) vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh đến 6 hải lý từ bờ.

- Kết quả: Bản đồ địa hình đáy biển (tỷ lệ 1/10.000) vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh đến 6 hải lý từ bờ.

b) Hoạt động 2: Phân vùng chức năng vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh.

- Mục tiêu: Hướng tới việc khai thác, sử dụng hợp lý, bền vững các tài nguyên và không gian vùng bờ; giảm thiểu mâu thuẫn về lợi ích giữa các bên khai trong thác, sử dụng tài nguyên, không gian vùng bờ; làm cơ sở để các cơ quan ban ngành hữu quan ở thành phố và huyện Cần Giờ xây dựng, điều chỉnh và triển khai các quy hoạch, chương trình có liên quan phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, kết hợp bảo vệ tài nguyên và môi trường vùng bờ, duy trì và khôi phục các hệ sinh thái biển và ven biển.

- Các nội dung chính:

+ Rà soát, tổng hợp các thông tin, dữ liệu có liên quan đến đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh; hiện trạng khai thác sử dụng tài nguyên và không gian vùng bờ của các bên liên quan;

+ Phân tích, đánh giá các quá trình tự nhiên ở vùng bờ và dự báo những tác động do thiên tai và biến đổi khí hậu đến vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Khảo sát, đánh giá động lực học vùng cửa sông, biển ven bờ và sự tương tác giữa các quá trình tự nhiên và các hệ sinh thái vùng bờ;

+ Lập bản đồ hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên và không gian vùng bờ;

+ Phân tích, đánh giá các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của các ngành và của huyện Cần Giờ liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên và không gian vùng bờ với cách tiếp cận quản lý tổng hợp;

+ Xây dựng luận cứ khoa học cho việc phân vùng chức năng vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh hướng tới việc khai thác, sử dụng hợp lý và bền vững các tài nguyên và không gian vùng bờ;

+ Phân vùng là lập bản đồ phân vùng chức năng vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh làm cơ sở cho việc lập quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ.

- Kết quả: Bản đồ và các quy định về phân vùng chức năng vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh được cấp thẩm quyền phê duyệt (yêu cầu trong đó phải thể hiện rõ hành lang bảo vệ bờ biển và vùng cửa sông các sông chính ven biển).

c) Hoạt động 3: Xây dựng và thực hiện các mô hình đồng quản lý tài nguyên vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh.

- Mục tiêu: Đẩy mạnh sự tham gia của cộng đồng và các tổ chức xã hội trong

quản lý tài nguyên vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh; tăng trách nhiệm của người dân và giảm gánh nặng cho các cơ quan quản lý nhà nước; tạo sinh kế bền vững, góp phần xóa đói giảm nghèo và tăng quyền được hưởng lợi của người dân từ các giá trị có được của tài nguyên thiên nhiên vùng bờ.

- Các nội dung chính:

+ Đánh giá thực trạng sinh kế và khả năng tham gia của cộng đồng dân cư ven biển trong việc bảo vệ tài nguyên, môi trường vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Lựa chọn các khu vực thích hợp để triển khai trình diễn mô hình đồng quản lý tài nguyên vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh (dự kiến tại 2 xã Thạnh An và Long Hòa);

+ Tổ chức triển khai trình diễn các mô hình đồng quản lý tài nguyên vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường; trước mắt tập trung vào các hoạt động như: tập huấn nâng cao nhận thức cộng đồng về quản lý tài nguyên, sinh cảnh và các hệ sinh thái; phân định rõ quyền lợi và trách nhiệm của các cá nhân, hộ gia đình trong việc khai thác, sử dụng và quản lý tài nguyên, sinh cảnh, hệ sinh thái; tạo sinh kế bền vững cho các hộ gia đình tham gia vào mô hình; định kỳ rà soát, đánh giá kết quả thực hiện làm cơ sở nhân rộng mô hình.

- Kết quả: 02 mô hình đồng quản lý tài nguyên và khai thác sử dụng tài nguyên vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh được triển khai thí điểm thành công tại 2 xã Thạnh An và Long Hòa, huyện Cần Giờ.

d) Hoạt động 4: Thiết lập khu bảo tồn vùng nước nội địa ven biển Thành phố Hồ Chí Minh

- Mục tiêu: Bảo tồn, bảo vệ, tái tạo nguồn lợi thủy sản nhằm phục hồi nguồn lợi thủy sản, các loài thủy sản có giá trị kinh tế và nghiên cứu khoa học, đặc biệt là nguồn lợi thủy sản vùng ven bờ; gắn với quản lý có hiệu quả các hoạt động khai thác, đánh bắt thủy sản nhằm phát triển ngành khai thác thủy sản bền vững, đồng thời giữ gìn tính đa dạng sinh học của tài nguyên sinh vật vùng bờ.

- Các nội dung chính:

+ Khảo sát, đánh giá tính đa dạng sinh học của khu hệ thủy sinh ở các vùng

nước nội địa thuộc vùng cửa sông ven biển Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Nghiên cứu mối quan hệ giữa tính đa dạng sinh học của khu hệ cá ở các vùng nước nội địa với các điều kiện đảm bảo môi trường cư trú thích hợp của chúng như rừng ngập mặn, cỏ biển, bãi bồi ngập theo triều và các hệ thống hỗ trợ sự sống dưới nước khác;

+ Điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng khai thác, đánh bắt nguồn lợi thủy sản tự nhiên ở các vùng nước nội địa thuộc vùng cửa sông ven biển Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Xây dựng các luận cứ khoa học và những hướng dẫn cụ thể cho việc thành lập khu bảo tồn vùng nước nội địa phù hợp với điều kiện đặc thù ở vùng cửa sông ven biển Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Đề xuất thành lập khu bảo tồn vùng nước nội địa khu vực cửa sông ven biển Thành phố Hồ Chí Minh và quy chế quản lý chúng.

- Kết quả: Hình thành được khu bảo tồn vùng nước nội địa khu vực ven biển Thành phố Hồ Chí Minh và đưa vào áp dụng có hiệu quả trong thực tế.

đ) Hoạt động 5: Xây dựng đề án phục hồi rừng ngập mặn trên các khu vực ruộng muối, đầm tôm không còn khai thác trong ranh giới rừng phòng hộ Cần Giờ

- Mục tiêu: Tôn tạo và nâng cao giá trị cảnh quan môi trường, góp phần phục hồi tính đa dạng sinh học của hệ sinh thái rừng ngập mặn Cần Giờ.

- Các nội dung chính:

+ Điều tra, thống kê diện tích và lập bản đồ các khu vực ruộng muối, đầm tôm không còn khai thác trong ranh giới rừng phòng hộ Cần Giờ;

+ Khảo sát đặc tính nền đất, thổ nhưỡng, môi trường, sinh học tại các khu vực ruộng muối, đầm tôm không còn khai thác trong ranh giới rừng phòng hộ Cần Giờ;

+ Nghiên cứu thử nghiệm một số phương án, giải pháp để phục hồi rừng ngập mặn trên các khu vực ruộng muối, đầm tôm không còn khai thác trong ranh giới rừng phòng hộ Cần Giờ;

+ Đề xuất phương án, giải pháp khả thi để phục hồi rừng ngập mặn trên các khu vực ruộng muối, đầm tôm không còn khai thác trong ranh giới rừng phòng hộ Cần

Giờ.

- Kết quả: Đề án phục hồi rừng ngập mặn trên các khu vực ruộng muối, đầm tôm không còn khai thác trong ranh giới rừng phòng hộ Cần Giờ được cấp thẩm quyền phê duyệt (triển khai trong năm 2018).

3. Phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm, giảm thiểu tổn thất do thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng

a) Hoạt động 1: Xây dựng và thực hiện chương trình quan trắc môi trường tổng hợp vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh

- Mục tiêu: Đáp ứng đầy đủ, chính xác, kịp thời nhu cầu thông tin về chất lượng môi trường phục vụ công tác quản lý tổng hợp vùng bờ; tăng cường năng lực quan trắc, phân tích môi trường và lồng ghép với hoạt động quản lý tổng hợp vùng bờ; hỗ trợ việc cập nhật và quản lý hệ thống thông tin tổng hợp vùng bờ.

- Các nội dung chính:

+ Rà soát lại toàn bộ các chương trình quan trắc môi trường hiện hữu của các Bộ ngành Trung ương và của Thành phố Hồ Chí Minh liên quan đến quan trắc môi trường ở khu vực ven biển Thành phố Hồ Chí Minh về các mặt: Tính phù hợp, đầy đủ về vị trí của các điểm/trạm quan trắc và các thông số quan trắc; tần suất quan trắc; phương pháp lấy mẫu và đo đạc ngoài hiện trường; cách thức lưu trữ, bảo quản mẫu; năng lực phòng thí nghiệm; công tác đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng (QA/QC) trong quan trắc và phân tích môi trường; biện pháp lưu trữ dữ liệu; chế độ báo cáo; việc khai thác sử dụng các thông tin, số liệu quan trắc,...

+ Xây dựng Chương trình quan trắc môi trường tổng hợp vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh đáp ứng các yêu cầu về thông tin và dữ liệu môi trường phục vụ công tác quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ (lưu ý đến các điểm/trạm quan trắc môi trường tự động liên tục tại các khu vực nhạy cảm);

+ Tăng cường năng lực quan trắc và phân tích môi trường (trang thiết bị, nguồn nhân lực cần thiết) cho Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình quan trắc môi trường tổng hợp vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh theo chương trình được phê duyệt hàng

năm.

- Kết quả: Chương trình quan trắc môi trường tổng hợp vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh được cấp thẩm quyền phê duyệt và được triển khai thực hiện có hiệu quả.

b) Hoạt động 2: Đánh giá khả năng chịu tải của vịnh Đồng Tranh, vịnh Gành Rái và cửa Soài Rạp trước các sức ép về gia tăng dân số và tăng trưởng kinh tế ở vùng hạ lưu hệ thống sông Đồng Nai

- Mục tiêu: Cung cấp thông tin, chứng cứ khoa học để hỗ trợ việc ra các quyết định mang tính bền vững liên quan đến các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, các địa phương trên lưu vực hạ lưu hệ thống sông Đồng Nai; góp phần bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học ở vùng biển ven bờ Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các nội dung chính:

+ Thu thập, tổng hợp các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hiện có của các ngành, các địa phương trên lưu vực hạ lưu hệ thống sông Đồng Nai;

+ Tính toán tải lượng ô nhiễm và sự phân bố của các nguồn gây ô nhiễm chính đối với môi trường nước vùng hạ lưu hệ thống sông Đồng Nai, tương ứng với các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên lưu vực và các kịch bản kiểm soát ô nhiễm khác nhau;

+ Mô hình hóa sự lan truyền ô nhiễm trong môi trường nước vùng hạ lưu hệ thống sông Đồng Nai tương ứng các kịch bản kiểm soát ô nhiễm khác nhau và đánh giá khả năng chịu tải của vịnh Đồng Tranh, vịnh Gành Rái và cửa Soài Rạp trước các sức ép về gia tăng dân số và tăng trưởng kinh tế trên lưu vực.

- Kết quả: Báo cáo khoa học Đánh giá khả năng chịu tải của vịnh Đồng Tranh, vịnh Gành Rái và cửa Soài Rạp trước các sức ép về gia tăng dân số và tăng trưởng kinh tế ở vùng hạ lưu hệ thống sông Đồng Nai, được hội đồng khoa học cấp thành phố nghiệm thu và sự đồng thuận cao của phản biện xã hội.

c) Hoạt động 3: Đánh giá ảnh hưởng, tác động qua lại giữa môi trường nước và hoạt động nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện Cần Giò

- Mục tiêu: Cung cấp thông tin, cơ sở khoa học để hỗ trợ việc quy hoạch nuôi trồng thủy sản bền vững trên địa bàn huyện Cần Giò.

- Các nội dung chính:

+ Thu thập thông tin, số liệu sẵn có về hiện trạng và quy hoạch, kế hoạch nuôi trồng thủy sản; hiện trạng và diễn biến chất lượng nước tại các khu vực nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện Cần Giờ;

+ Khảo sát, đánh giá hiện trạng cơ sở hạ tầng thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện Cần Giờ;

+ Khảo sát, đánh giá hiện trạng nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện Cần Giờ (đối tượng nuôi, phương thức nuôi, nguồn thức ăn, nhu cầu sử dụng nước, chế độ thay nước, lưu lượng và đặc tính nước thải từ các ao/đầm nuôi thủy sản thâm canh và bán thâm canh, thời gian nuôi, năng suất nuôi, các bệnh liên quan, bùn thải sau thu hoạch);

+ Khảo sát, lấy mẫu bổ sung; đánh giá hiện trạng và diễn biến chất lượng nước tại các khu vực nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện Cần Giờ;

+ Đánh giá ảnh hưởng, tác động qua lại giữa môi trường nước và hoạt động nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện Cần Giờ;

+ Đánh giá các rủi ro tiềm ẩn đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện Cần Giờ;

+ Đề xuất các giải pháp giảm thiểu rủi ro và giảm nhẹ các tác động tiêu cực.

- Kết quả:

+ Báo cáo khoa học “*Đánh giá ảnh hưởng, tác động qua lại giữa môi trường nước và hoạt động nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện Cần Giờ và đề xuất các giải pháp giảm nhẹ*”, được hội đồng khoa học cấp thành phố nghiệm thu và sự đồng thuận cao của phản biện xã hội.

+ Bản đồ phân vùng mức độ rủi ro tiềm ẩn đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện Cần Giờ.

d) Hoạt động 4: Xây dựng và thực hiện Kế hoạch giảm ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện Cần Giờ giai đoạn 2017 - 2020.

- Mục tiêu: Cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường tại các khu dân cư nhằm nâng chất tiêu chí 17 về môi trường trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các xã nông thôn mới và khắc phục tiêu chí môi trường trong phát triển toàn diện thị trấn

Cần Thạnh; xóa các điểm ô nhiễm ô nhiễm môi trường, điểm ngập và ngăn ngừa triệt để việc phát sinh các điểm ngập và điểm ô nhiễm mới.

- Các nội dung chính:

+ Xây dựng Kế hoạch giảm ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện Cần Giờ giai đoạn 2016-2020;

+ Tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện Kế hoạch giảm ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện Cần Giờ giai đoạn 2017 - 2020;

+ Tập trung xử lý các điểm ô nhiễm môi trường và điểm ngập trên địa bàn các khu dân cư; xóa các nhà vệ sinh không hợp quy cách; giải quyết vấn đề về thu gom và xử lý rác trên địa bàn các xã, thị trấn; tăng cường công tác xử phạt vi phạm hành chính đối với các trường hợp lấn, chiếm kênh, rạch, không giao rác dân lập; trang bị thùng rác cho các khu dân cư; di dời các cơ sở chăn nuôi, cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư.

- Kết quả: Đến năm 2020 không còn điểm ngập và điểm ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện Cần Giờ, không còn tồn tại các nhà vệ sinh không hợp quy cách; công tác thu gom và xử lý rác trên địa bàn các xã, thị trấn cơ bản được giải quyết tốt; không còn trường hợp lấn, chiếm kênh rạch, không giao rác cho lực lượng thu gom rác dân lập; các khu dân tập trung cư được trang bị thùng rác công cộng; các cơ sở chăn nuôi, cơ sở sản xuất - kinh doanh - dịch vụ gây ô nhiễm môi trường được di dời ra khỏi khu dân cư.

đ) Hoạt động 5: Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh

- Mục tiêu: Đảm bảo thu gom, xử lý hiệu quả, kịp thời tất cả các loại chất thải rắn và bùn cặn phát sinh trên địa bàn huyện Cần Giờ; góp phần gìn giữ cảnh quan, bảo vệ môi trường vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các nội dung chính:

+ Thu thập dữ liệu, khảo sát, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải rắn vùng bờ: các nguồn phát sinh chất thải rắn, khối lượng, thành phần và tính chất, biện pháp thu gom và xử lý, năng lực thu gom và xử lý tại chỗ, các vấn đề môi trường tồn tại;

+ Dự báo diễn biến chất thải rắn vùng bờ đến năm 2020: các nguồn phát sinh chất thải rắn, khối lượng, thành phần và tính chất chất thải rắn;

- + Tổng quan các biện pháp xử lý chất thải rắn phù hợp trong điều kiện vùng bờ;
 - + Xây dựng kế hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn đến năm 2020, tập trung vào các đối tượng chính: chất thải rắn sinh hoạt từ các khu/cụm/tuyến dân cư, từ các điểm/tuyến du lịch; chất thải rắn xây dựng; chất thải rắn y tế; chất thải rắn công nghiệp thông thường; chất thải rắn công nghiệp nguy hại; bùn nạo vét cống rãnh thoát nước; bùn/cặn từ các cơ sở nuôi tôm công nghiệp, từ các hệ thống xử lý nước và nước thải;
 - + Triển khai thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn;
 - + Đầu tư nâng cấp hệ thống trang thiết bị cần thiết phục vụ công tác thu gom, vận chuyển các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trên địa bàn huyện Cần Giờ đến các khu xử lý tập trung chất thải rắn của huyện phù hợp với yêu cầu phân loại chất thải rắn tại nguồn;
 - + Tổ chức lại lực lượng thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn;
 - + Lập dự án đầu tư xây dựng khu xử lý chất thải rắn tập trung của huyện Cần Giờ giai đoạn 2021-2030 và trình cơ quan thẩm quyền phê duyệt;
 - + Lập dự án đầu tư khu xử lý cục bộ chất thải rắn sinh hoạt ở xã đảo Thạnh An giai đoạn 2021-2030 và trình cơ quan thẩm quyền phê duyệt.
- Kết quả:
- + Kế hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn đến năm 2020 được cấp thẩm quyền phê duyệt;
 - + Các loại chất thải rắn được phân loại đúng quy định ngay tại nguồn phát sinh;
 - + Năng lực thu gom, vận chuyển chất thải rắn được cải thiện rõ rệt;
 - + Dự án đầu tư xây dựng khu xử lý chất thải rắn tập trung của huyện Cần Giờ giai đoạn 2021-2030 được cấp thẩm quyền phê duyệt;
 - + Dự án đầu tư khu xử lý cục bộ chất thải rắn sinh hoạt ở xã đảo Thạnh An giai đoạn 2021-2030 được cấp thẩm quyền phê duyệt.

e) Hoạt động 6: Xây dựng và thực hiện Kế hoạch quản lý tổng hợp về xử lý nước thải cho vùng ven biển.

- Mục tiêu: Đảm bảo thu gom và xử lý hiệu quả các nguồn nước thải phát sinh tại khu vực thuộc các xã, thị trấn ven biển trước khi xả ra môi trường bên ngoài.

- Nội dung chính:

+ Thu thập dữ liệu, khảo sát các nguồn nước thải phát sinh tại khu vực;

+ Tính toán nhu cầu nước thải phát sinh cần thu gom, xử lý;

+ Thiết kế và lập sơ đồ nguyên lý hệ thống thu gom nước thải phát sinh. Tính toán hệ thống đường ống thu gom nước thải;

+ Triển khai hoàn thiện và xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước thải phát sinh tại các khu dân cư thuộc các xã, thị trấn ven biển: xã Thạnh An, xã Long Hòa và Thị trấn Cần Thạnh và nước thải sản xuất tại các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ vùng ven biển;

+ Thiết kế và lập kế hoạch xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung với công suất thiết kế phù hợp nhu cầu xả thải tại địa bàn huyện Cần Giờ, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt yêu cầu xả thải ra nguồn tiếp nhận;

+ Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân và chủ các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ có phát sinh nước thải về công tác bảo vệ môi trường, bảo vệ thiên nhiên.

- Kết quả:

+ Xây dựng hoàn thiện hệ thống thu gom và hệ thống xử lý nước thải tập trung tại huyện Cần Giờ;

+ Đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh đều được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn xả thải.

g) Hoạt động 7: Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý tổng hợp tài nguyên nước vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh

- Mục tiêu: Đảm bảo khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn nước sẵn có tại vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh (nước mưa, nước mặt, nước biển ven bờ, nước dưới đất) phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; thu gom và xử lý hiệu quả các nguồn nước thải có tiềm năng gây ô nhiễm môi trường cao; đẩy mạnh việc tái sử dụng nước thải đã qua xử lý cho các nhu cầu sử dụng nước không đòi hỏi chất lượng cao.

- Các nội dung chính:

+ Thu thập dữ liệu, khảo sát, đánh giá tiềm năng các nguồn nước sẵn có tại vùng

bờ (nước mưa, nước mặt, nước biển ven bờ, nước dưới đất) về mặt số lượng và chất lượng;

+ Tính toán nhu cầu sử dụng nước cho tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội tại khu vực ven biển: hiện tại và dự báo đến năm 2020-2030;

+ Cân đối cung - cầu về nguồn nước ngọt sẵn có tại địa phương;

+ Lập kế hoạch khai thác sử dụng hợp lý và hiệu quả các nguồn nước sẵn có cho các nhu cầu sử dụng nước khác nhau trên địa bàn huyện Cần Giờ giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

+ Lập dự án cải tạo, nâng cấp, phát triển hệ thống thoát nước (tách riêng nước mưa và nước thải) cho các khu dân cư tập trung huyện Cần Giờ nhằm giải quyết dứt điểm tình trạng ngập úng trong các khu dân cư; thu gom toàn bộ lượng nước thải phát sinh tại các khu dân cư tập trung và sẵn sàng đấu nối vào các hệ thống xử lý nước thải tập trung cho các khu vực này sau năm 2020.

+ Lập dự án đầu tư các khu xử lý nước thải tập trung trên địa bàn huyện Cần Giờ để sẵn sàng tiếp nhận xử lý nước thải từ các khu dân cư tập trung sau năm 2020 (ưu tiên cho khu vực thị trấn Cần Thạnh và các khu dân cư tập trung ở các xã Bình Khánh, Tam Thôn Hiệp, An Thới Đông, Lý Nhơn, Long Hòa, Thạnh An).

- Kết quả:

+ Kế hoạch khai thác sử dụng hợp lý và hiệu quả các nguồn nước sẵn có cho các nhu cầu sử dụng nước khác nhau trên địa bàn huyện Cần Giờ giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được cấp thẩm quyền phê duyệt;

+ Dự án cải tạo, nâng cấp, phát triển hệ thống thoát nước cho các khu dân cư tập trung huyện Cần Giờ đến năm 2020 được cấp thẩm quyền phê duyệt;

+ Dự án đầu tư các khu xử lý nước thải tập trung trên địa bàn huyện Cần Giờ giai đoạn 2021 - 2025 được cấp thẩm quyền phê duyệt.

h) Hoạt động 8: Tăng cường việc thực thi pháp luật về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh

- Mục tiêu: Ngăn ngừa và xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các nội dung chính:

+ Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường tại vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh và xử phạt nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật.

+ Phối hợp chặt chẽ với các địa phương trên lưu vực hệ thống sông Đồng Nai tăng cường kiểm soát và quản lý các nguồn gây ô nhiễm trên lưu vực trước khi đổ ra khu vực cửa sông và vùng bờ.

+ Phối hợp chặt chẽ với các địa phương liền kề (Đồng Nai, Long An, Tiền Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu) trong việc kiểm tra, giám sát các hoạt động khai thác khoáng sản trái phép trên các tuyến sông chung giữa hai địa phương.

4. Đào tạo, tăng cường năng lực và nâng cao nhận thức về quản lý tổng hợp vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh

a) Hoạt động 1: Xây dựng và thực hiện kế hoạch tăng cường nguồn nhân lực phục vụ quản lý tổng hợp vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh

- Mục tiêu: Nhằm nâng cao năng lực thực hiện quản lý tổng hợp vùng bờ cho các bên có liên quan chính ở Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các nội dung chính:

+ Đánh giá thực trạng nguồn nhân lực thực hiện quản lý tổng hợp vùng bờ ở Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Đánh giá, xác định nhu cầu về nguồn nhân lực thực hiện quản lý tổng hợp vùng bờ ở Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới;

+ Đánh giá và xác định các nhóm đối tượng cần được đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý tổng hợp vùng bờ ở các cấp, các ngành của thành phố;

+ Xây dựng mạng lưới chuyên gia có trình độ, kinh nghiệm tham gia đào tạo nguồn nhân lực thực hiện quản lý tổng hợp vùng bờ;

+ Xây dựng kế hoạch tăng cường nguồn nhân lực phục vụ quản lý tổng hợp vùng bờ thông qua các hình thức như đào tạo chính quy tại các trường đại học và đào tạo bổ sung (tập huấn) nâng cao năng lực;

+ Nghiên cứu, tham khảo các chương trình, tài liệu đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về quản lý tổng hợp vùng bờ của một số nước trong khu vực và trên thế giới;

+ Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn cơ bản nhằm tăng cường nguồn nhân lực về quản lý tổng hợp vùng bờ cho thành phố;

+ Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn chuyên sâu về ứng dụng các công cụ tiên tiến (GIS và viễn thám, mô hình hóa, quản trị cơ sở dữ liệu đa ngành) trong quản lý tổng hợp tài nguyên và môi trường vùng bờ nhằm nâng cao năng lực quản lý tổng hợp vùng bờ cho thành phố.

- Kết quả:

+ Kế hoạch tăng cường nguồn nhân lực phục vụ quản lý tổng hợp vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh được cấp thẩm quyền phê duyệt và triển khai;

+ Mạng lưới chuyên gia có trình độ, kinh nghiệm trong đào tạo nguồn nhân lực thực hiện quản lý tổng hợp vùng bờ được xác lập và cập nhật thường xuyên;

+ Chương trình và tài liệu đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về quản lý tổng hợp vùng bờ được xây dựng phù hợp với các nhóm đối tượng cần đào tạo;

+ Các khóa đào tạo, tập huấn cơ bản và chuyên sâu nhằm nâng cao năng lực về quản lý tổng hợp vùng bờ cho thành phố được triển khai và đạt hiệu quả mong muốn.

b) Hoạt động 2: Xây dựng và thực hiện chương trình truyền thông nâng cao nhận thức về quản lý tổng hợp vùng bờ

- Mục tiêu: Tăng cường và tạo sự chuyển biến trong nhận thức của các cấp, các ngành và xã hội về vai trò, tầm quan trọng của quản lý tổng hợp vùng bờ.

- Các nội dung chính:

+ Đánh giá thực trạng các hoạt động truyền thông liên quan đến bảo vệ tài nguyên, môi trường và quản lý tổng hợp vùng bờ ở cấp Trung ương và tại Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Đánh giá thực trạng nguồn lực phục vụ các hoạt động truyền thông về bảo vệ tài nguyên, môi trường, quản lý tổng hợp vùng bờ tại Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Xác định các nhóm đối tượng truyền thông nâng cao nhận thức về quản lý tổng hợp vùng bờ ở Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Xây dựng và phát triển mạng lưới truyền thông viên nòng cốt về quản lý tổng hợp vùng bờ ở Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Xây dựng và triển khai thực hiện chương trình truyền thông nâng cao nhận

thức về quản lý tổng hợp vùng bờ ở Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để cộng đồng dân cư và các tổ chức khoa học, xã hội, kinh tế, nghề nghiệp tham gia vào các hoạt động quản lý tổng hợp vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh.

- Kết quả: Chương trình truyền thông nâng cao nhận thức về quản lý tổng hợp vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh được cấp thẩm quyền phê duyệt, triển khai thực hiện và duy trì thường xuyên.

c) Hoạt động 3: Xây dựng và thực hiện cơ chế tài chính bền vững hỗ trợ quản lý tổng hợp vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh

- Mục tiêu: Thiết lập cơ chế tài chính bền vững và các công cụ kinh tế phù hợp để hỗ trợ quản lý tổng hợp vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các nội dung chính:

+ Phát triển các đề xuất dự án tài trợ quy mô nhỏ nhằm tranh thủ sự ủng hộ của Quỹ tài trợ quy mô nhỏ (SGF) và các tổ chức quốc tế khác. Mục đích của các đề xuất này, trước hết, nhằm tăng cường nhận thức cho người dân và cộng đồng ven biển (và các đối tác từ chính quyền địa phương) về sự cần thiết phải bảo tồn, phục hồi và quản lý bền vững các hệ sinh thái vùng bờ biển;

+ Nghiên cứu định giá kinh tế các dịch vụ hệ sinh thái rừng ngập mặn Cần Giờ làm cơ sở cho việc hạch toán tài nguyên môi trường và xác định các mức chi trả hợp lý đối với những đối tượng hưởng lợi từ các dịch vụ hệ sinh thái rừng ngập mặn;

+ Xây dựng và thực hiện cơ chế chi trả dịch vụ hệ sinh thái rừng ngập mặn Cần Giờ;

+ Xúc tiến các cơ hội tài chính các-bon cho quỹ hoặc thị trường quốc tế về giảm phát thải khí nhà kính đối với rừng ngập mặn Cần Giờ;

+ Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân, thành phần kinh tế ngoài khu vực nhà nước đầu tư vào các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng xử lý chất thải và bảo vệ môi trường, phục hồi tài nguyên và môi trường vùng bờ;

+ Sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn thu từ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên địa bàn huyện Cần Giờ cho các hoạt động quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ;

+ Triển khai công tác thu thuế sử dụng mặt nước tự nhiên cho các hoạt động nuôi trồng thủy sản, phát triển du lịch sinh thái, du lịch dựa vào cộng đồng; sử dụng hiệu quả nguồn thu từ thuế cho các hoạt động quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ.

+ Huy động nguồn lực tài chính, sự tham gia, đóng góp của cộng đồng cho các hoạt động quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ.

- Kết quả:

+ Các cơ chế tài chính bền vững hỗ trợ quản lý tổng hợp vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh được thiết lập và vận hành hiệu quả;

+ Cơ chế chi trả dịch vụ hệ sinh thái rừng ngập mặn Cần Giờ được cấp thẩm quyền phê duyệt và triển khai áp dụng trong thực tế.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Vai trò, trách nhiệm của các cơ quan có liên quan

Các nhiệm vụ trọng tâm của Chương trình được tổ chức thực hiện căn cứ vào Danh mục các nhiệm vụ, dự án triển khai Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (xem Phụ lục), trong đó đã xác định rõ cơ quan chịu trách nhiệm chính, cơ quan/đơn vị phối hợp, thời gian thực hiện dự kiến, nhu cầu kinh phí và nguồn kinh phí dự kiến đối với từng dự án, nhiệm vụ cụ thể.

Các cơ quan có liên quan căn cứ vào các nhiệm vụ đã được phân công tổ chức triển khai thực hiện và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

Là cơ quan đầu mối trong việc tổ chức triển khai thực hiện Chương trình. Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ thực hiện Kế hoạch quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ, tập trung vào các nội dung chính như sau:

- Xây dựng và thể chế hóa cơ chế điều phối, phối hợp đa ngành, đa bên phục vụ quản lý tổng hợp vùng bờ;

- Rà soát, đo đạc bổ sung thành lập bản đồ địa hình đáy biển (tỷ lệ 1/10.000) vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh đến 6 hải lý từ bờ;

- Xây dựng và thực hiện hệ thống thông tin tổng hợp phục vụ quản lý tổng hợp vùng bờ, kết nối với hệ thống cấp trung ương;
- Xây dựng và thực hiện chương trình quan trắc môi trường tổng hợp vùng bờ;
- Tăng cường việc thực thi pháp luật về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ;
- Xây dựng và thực hiện kế hoạch tăng cường nguồn nhân lực phục vụ quản lý tổng hợp vùng bờ;
- Xây dựng kế hoạch liên tịch phối hợp triển khai thực hiện các biện pháp kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường từ lục địa và trên biển của huyện Cần Giờ với địa bàn giáp ranh nhằm đảm bảo phối hợp thực hiện đồng bộ, hiệu quả và kịp thời ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình; tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch; tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố; đề xuất giải quyết những vấn đề phát sinh vượt quá thẩm quyền.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ tiến hành rà soát, điều chỉnh các quy hoạch, kế hoạch phát triển của các ngành, lĩnh vực kinh tế xã hội vùng bờ phù hợp với phân vùng chức năng vùng bờ được cấp thẩm quyền phê duyệt; thực hiện các nhiệm vụ liên quan trong phạm vi trách nhiệm của Sở.

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính xây dựng cơ chế, chính sách để thực hiện hiệu quả các nội dung của Chương trình.

4. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân thành phố bố trí ngân sách hàng năm để thực hiện các nhiệm vụ, dự án ưu tiên trong Chương trình.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ và các đơn vị liên quan xây dựng và thiết lập khu bảo tồn vùng nước nội địa khu vực ven biển Thành phố Hồ Chí Minh;

Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ và các đơn vị liên quan quản lý các hoạt động khai thác thủy sản thuộc phạm vi quản lý của thành phố và các nhiệm vụ liên quan trong phạm vi trách nhiệm của Sở.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với các đơn vị thẩm định, phê duyệt và triển khai theo quy định về các nhiệm vụ, đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố.

Tổ chức triển khai thực hiện 03 Đề tài nghiên cứu khoa học ưu tiên:

- Phân vùng chức năng vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh.
- Đánh giá khả năng chịu tải của vịnh Đồng Tranh, vịnh Gành Rái và cửa Soài Rạp trước các sức ép về gia tăng dân số và tăng trưởng kinh tế ở vùng hạ lưu hệ thống sông Đồng Nai.
- Đánh giá ảnh hưởng, tác động qua lại giữa môi trường nước và hoạt động nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện Cần Giờ.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các báo đài và các cơ quan liên quan xây dựng và thực hiện chương trình truyền thông nâng cao nhận thức về quản lý tổng hợp vùng bờ.

8. Sở Giao thông vận tải

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, điều chỉnh việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển cảng biển, cơ sở đóng tàu và các nhiệm vụ liên quan trong phạm vi trách nhiệm của Sở.

9. Sở Du lịch

Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ và các cơ quan liên quan điều chỉnh việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch vùng bờ theo phân vùng chức năng vùng bờ được cấp thẩm quyền phê duyệt và các nhiệm vụ liên quan khác trong phạm vi trách nhiệm của Sở.

10. Các Sở ngành khác có liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ của mình, các Sở ngành chủ động phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện các nhiệm vụ đã được phân công.

Đối với các nhiệm vụ, dự án sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường: Xây dựng kế hoạch cụ thể và dự toán chi tiết gửi Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến. Trên cơ sở ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính sẽ trình Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kinh phí cho các đơn vị thực hiện.

Lồng ghép các nội dung của Kế hoạch quản lý tổng hợp vùng bờ trong quá trình hoạch định chính sách; xây dựng và thực hiện chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển của ngành.

Định kỳ hàng năm xây dựng báo cáo kết quả, tình hình thực hiện các nhiệm vụ được phân công trong Chương trình, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân thành phố.

11. Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ

Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành liên quan xây dựng quy chế quản lý, khai thác và sử dụng quỹ đất bãi bồi, đất mặt nước ven sông, ven biển và đất sông ngòi kênh rạch trên địa bàn huyện Cần Giờ;

Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành liên quan xây dựng và thực hiện các mô hình đồng quản lý tài nguyên vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh;

Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành liên quan xây dựng và thực hiện Đề án phục hồi rừng ngập mặn trên các khu vực ruộng muối, đầm tôm không còn khai thác trong ranh giới rừng phòng hộ Cần Giờ;

Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành liên quan xây dựng và thực hiện Kế hoạch giảm ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện Cần Giờ giai đoạn 2017 - 2020;

Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành liên quan xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn vùng bờ;

Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành liên quan xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý tổng hợp tài nguyên nước vùng bờ.

Chủ động huy động thêm nguồn lực và lồng ghép nội dung của chương trình trong quá trình xây dựng, thực hiện các chính sách và chương trình, dự án liên quan đến quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ.

Triển khai các chương trình, kế hoạch bảo vệ, bảo tồn và phục hồi các hệ sinh thái, sinh cảnh, đa dạng sinh học, các loài đặc hữu và những giá trị tự nhiên khác ở vùng bờ.

Lồng ghép những hoạt động có liên quan đến thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng trên địa bàn vào các nội dung trong kế hoạch quản lý tổng hợp vùng bờ đã được phân công cho địa phương.

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các hoạt động quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ nhằm hỗ trợ cho việc triển khai quản lý tổng hợp vùng bờ tại địa phương.

Định kỳ 6 tháng và hàng năm báo cáo tiến độ thực hiện chương trình cho cơ quan thường trực là Sở Tài nguyên và Môi trường.

12. Các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp, tổ chức NGO và doanh nghiệp

Các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức phi chính phủ và doanh nghiệp tùy theo chức năng, nhiệm vụ và năng lực của mình, được chủ động tham gia vào các hoạt động liên quan đến quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ; hỗ trợ và huy động sự tham gia của cộng đồng trong thực hiện, kiểm tra, giám sát thực hiện các hoạt động quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ.

13. Kinh phí thực hiện Chương trình

Kinh phí thực hiện Chương trình được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm của các Sở ngành và Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ theo phân cấp ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác ngoài ngân sách nhà nước.

Các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ chủ động bố trí, huy động các nguồn vốn khác ngoài ngân sách nhà nước từ các nhà tài trợ, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các nội dung của Chương trình.

14. Giám sát và đánh giá

Cơ quan thường trực là Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình.

Các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ, dự án được giao về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 12 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình vào cuối kỳ của Chương trình (năm 2020) và đưa ra những định hướng

triển khai cho giai đoạn tiếp theo./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Khoa

Phụ lục 1

**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ TỔNG HỢP TÀI NGUYÊN VÙNG BỜ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

(Kèm theo Quyết định số 713/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính	Kinh phí (triệu đồng)*	Nguồn vốn dự kiến	Chỉ số đánh giá/ Kết quả dự kiến
A. XÂY DỰNG VÀ BAN HÀNH CÁC HƯỚNG DẪN VỀ QUẢN LÝ TỔNG HỢP VÙNG BỜ							
1	Xây dựng và thể chế hóa cơ chế điều phối, phối hợp đa ngành, đa bên phục vụ quản lý tổng hợp vùng bờ TP.HCM	2017	Sở TN&MT	Văn phòng UBND TP, các Sở: Nội vụ, Tư pháp, NN&PTNT, Xây dựng, GTVT, KH&CN, Tài chính; UBND huyện Cần Giờ	200	Ngân sách sự nghiệp BVMT	<ul style="list-style-type: none"> - “Quy chế phối hợp quản lý tổng hợp vùng bờ TP.HCM” được cấp thẩm quyền ban hành. - Tổ chức bộ máy thực hiện quản lý tổng hợp vùng bờ được hoàn thiện và vận hành có hiệu quả. - Các hướng dẫn cần thiết cho việc ra quyết định đối với các vấn đề nhạy cảm, xung đột lợi ích trong khai thác sử dụng tài nguyên và BVMT vùng bờ TP.HCM.
2	Xây dựng và thực hiện hệ thống thông tin tổng hợp phục vụ quản lý tổng hợp vùng bờ TP.HCM, kết nối với hệ thống cấp trung ương	2017 - 2018	Sở TN&MT	Sở TT&TT, Cục Thống kê, Sở KH&CN, các cơ quan khoa học	5.000	Ngân sách sự nghiệp BVMT	Hệ thống thông tin tổng hợp phục vụ quản lý tổng hợp vùng bờ TP.HCM được hoàn thiện, vận hành thông suốt, sẵn sàng kết nối với hệ thống của Trung ương và các địa phương liên kê.
3	Xây dựng quy chế quản lý, khai thác và sử dụng quỹ đất bãi bồi, đất mặt nước ven sông, ven biển và đất sông ngòi kênh rạch trên địa bàn huyện Cần Giờ	2017 - 2018	UBND huyện Cần Giờ	Các Sở: TN&MT, KH&CN, NN&PTNT, Xây dựng, Kiến trúc, GTVT	1.000	Ngân sách sự nghiệp BVMT	Quy chế quản lý, khai thác và sử dụng quỹ đất bãi bồi, đất mặt nước ven sông, ven biển và đất sông ngòi kênh rạch trên địa bàn huyện Cần Giờ được cơ quan thẩm quyền ban hành.

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính	Kinh phí (triệu đồng)	Nguồn vốn dự kiến	Chỉ số đánh giá/ Kết quả dự kiến
B. KHAI THÁC, SỬ DỤNG BỀN VỮNG TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC							
4	Rà soát, đo đạc bổ sung thành lập bản đồ địa hình đáy biển (tỷ lệ 1/10.000) vùng bờ TP.HCM đến 6 hải lý từ bờ	2018 - 2020	Sở TN&MT	Các Sở: Xây dựng, Kiến trúc, GTVT, NN&PTNT, BCH Quân sự TP.HCM, UBND huyện Cần Giờ	5.000	Ngân sách sự nghiệp BVMT	Bản đồ địa hình đáy biển (tỷ lệ 1/10.000) vùng bờ TP.HCM đến 6 hải lý từ bờ.
5	Phân vùng chức năng vùng bờ TP.HCM	2017 - 2018	Sở KH&CN	Các Sở: TN&MT, NN&PTNT, Xây dựng, Kiến trúc, GTVT, BCH Quân sự, UBND huyện Cần Giờ	3.400	Ngân sách sự nghiệp KH&CN	Bản đồ và các quy định về phân vùng chức năng vùng bờ TP.HCM được cấp thẩm quyền phê duyệt (yêu cầu trong đó phải thể hiện rõ hành lang bảo vệ bờ biển và vùng cửa sông các sông chính ven biển)
6	Xây dựng và thực hiện các mô hình đồng quản lý tài nguyên vùng bờ TP.HCM	2019 - 2020	UBND huyện Cần Giờ	Sở TN&MT, UBND các xã nơi triển khai thực hiện các mô hình trình diễn	1.200	Ngân sách sự nghiệp BVMT	02 mô hình đồng quản lý tài nguyên và khai thác sử dụng tài nguyên vùng bờ TP.HCM được triển khai thí điểm thành công tại 2 xã Thạnh An và Long Hòa, huyện Cần Giờ
7	Thiết lập khu bảo tồn vùng nước nội địa ven biển TP.HCM	2018 - 2019	Sở NN&PTNT	Các Sở: TN&MT, KH&CN, Xây dựng, GTVT, UBND huyện Cần Giờ	2.600	Ngân sách sự nghiệp BVMT	Hình thành được khu bảo tồn vùng nước nội địa khu vực ven biển TP.HCM và đưa vào áp dụng có hiệu quả trong thực tế.
8	Xây dựng Đề án phục hồi rừng ngập mặn trên các khu vực ruộng muối, đầm tôm không còn khai thác trong ranh giới rừng phòng hộ Cần	2017 - 2018	UBND huyện Cần Giờ	Các Sở: NN&PTNT, TN&MT, KH&CN, TT Nghiên cứu Biển	800	Ngân sách sự nghiệp BVMT	Đề án phục hồi rừng ngập mặn trên các khu vực ruộng muối, đầm tôm không còn khai thác trong ranh giới rừng phòng hộ Cần Giờ được cấp thẩm quyền phê duyệt.

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính	Kinh phí (triệu đồng)	Nguồn vốn dự kiến	Chỉ số đánh giá/ Kết quả dự kiến
	Giờ			và Đảo			
C. PHÒNG NGỪA, KIỂM SOÁT Ô NHIỄM, GIẢM THIỂU TỒN THẤT DO THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU, NƯỚC BIẾN DĂNG							
9	Xây dựng và thực hiện chương trình quan trắc môi trường tổng hợp vùng bờ TP.HCM	2017 - 2020	Sở TN&MT	Các Trạm quan trắc môi trường quốc gia và của các Bộ ngành có thực hiện quan trắc môi trường ở vùng bờ TP.HCM	15.000	Ngân sách Nhà nước chi cho đầu tư công	Chương trình quan trắc môi trường tổng hợp vùng bờ TP.HCM được cấp thẩm quyền phê duyệt và được triển khai thực hiện có hiệu quả.
10	Đánh giá khả năng chịu tải của vịnh Đồng Tranh, vịnh Gành Rái và cửa Soài Rạp trước các sức ép về gia tăng dân số và tăng trưởng kinh tế ở vùng hạ lưu hệ thống sông Đồng Nai	2017 - 2018	Sở KH&CN	Các Sở: TN&MT, Xây dựng, GTVT, UBND huyện Cần Giờ, các cơ quan khoa học	3.600	Ngân sách sự nghiệp KHCN	Báo cáo khoa học "Đánh giá khả năng chịu tải của vịnh Đồng Tranh, vịnh Gành Rái và cửa Soài Rạp trước các sức ép về gia tăng dân số và tăng trưởng kinh tế ở vùng hạ lưu hệ thống sông Đồng Nai, được hội đồng khoa học cấp thành phố nghiệm thu và sự đồng thuận cao của phản biện xã hội.
11	Đánh giá ảnh hưởng, tác động qua lại giữa môi trường nước và hoạt động nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện Cần Giờ	2017 - 2018	Sở KH&CN	Các Sở: NN&PTNT, TN&MT, GTVT, UBND huyện Cần Giờ, các cơ quan khoa học	1.400	Ngân sách sự nghiệp KHCN	Báo cáo khoa học "Đánh giá ảnh hưởng, tác động qua lại giữa môi trường nước và hoạt động nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện Cần Giờ và đề xuất các giải pháp giảm nhẹ", được hội đồng khoa học cấp thành phố nghiệm thu và sự đồng thuận cao của phản biện xã hội.
12	Xây dựng và thực hiện Kế hoạch giảm ô nhiễm môi	2017 - 2020	UBND huyện Cần	Các Sở: TN&MT, Sở Xây	(**)100.000	Vốn ngân	Đến năm 2020 không còn điểm ngập và điểm ô nhiễm môi trường trên địa bàn

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính	Kinh phí (trệu đồng)	Nguồn vốn dự kiến	Chỉ số đánh giá/ Kết quả dự kiến
	trường trên địa bàn huyện Cần Giờ giai đoạn 2017 - 2020		Giờ	dựng, GTVT; Trung tâm điều hành chống ngập, Công ty môi trường đô thị TPHCM		sách địa phương	huyện Cần Giờ, không còn tồn tại các nhà vệ sinh không hợp quy cách; công tác thu gom và xử lý rác trên địa bàn các xã, thị trấn cơ bản được giải quyết tốt; không còn trường hợp lấn, chiếm kênh rạch, không giao rác cho lực lượng thu gom rác dân lập; các khu dân tập trung cư được trang bị thùng rác công cộng; các cơ sở chăn nuôi, cơ sở sản xuất – kinh doanh – dịch vụ gây ô nhiễm môi trường được di dời ra khỏi khu dân cư.
13	Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn vùng bờ TP.HCM	2017 - 2020	UBND huyện Cần Giờ	Sở TN&MT, Sở Xây dựng, Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	10.000	Vốn sự nghiệp BVMT	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn vùng bờ TPHCM giai đoạn đến năm 2020 được phê duyệt; - Các loại chất thải rắn được phân loại đúng quy định ngay tại nguồn phát sinh; - Năng lực thu gom, vận chuyển chất thải rắn được cải thiện rõ rệt; - Dự án đầu tư xây dựng khu xử lý chất thải rắn tập trung của huyện Cần Giờ giai đoạn 2021-2030 được cấp thẩm quyền phê duyệt; - Dự án đầu tư khu xử lý cục bộ chất thải rắn sinh hoạt ở xã đảo Thạnh An giai đoạn 2021-2030 được cấp thẩm quyền phê duyệt.
14	Xây dựng và thực hiện kế	2017 -	UBND	Sở TN&MT, Sở	(**)500.0	Vốn sự	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế và lập sơ đồ nguyên lý hệ

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính	Kinh phí (triệu đồng)	Nguồn vốn dự kiến	Chỉ số đánh giá/ Kết quả dự kiến
	hoạch quản lý về xử lý nước thải cho vùng ven biển	2020	huyện Cần Giờ	Xây dựng, Công ty môi trường đô thị TPHCM	00	nghiệp BVMT	<ul style="list-style-type: none"> - thống thu gom nước thải phát sinh. - Triển khai hoàn thiện và xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước thải phát sinh tại các khu dân cư thuộc các xã, thị trấn ven biển: xã Thanh An, xã Long Hòa và Thị trấn Cần Thạnh và nước thải sản xuất tại các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ vùng ven biển; - Đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh đều được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn xả thải trước khi xả ra môi trường bên ngoài.
15	Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý tổng hợp tài nguyên nước vùng bờ TP.HCM	2017 - 2020	UBND huyện Cần Giờ	Sở TN&MT, Sở GTVT, Trung tâm điều hành chống ngập TPHCM	10.000	Vốn sự nghiệp BVMT	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch khai thác sử dụng hợp lý và hiệu quả các nguồn nước sẵn có cho các nhu cầu sử dụng nước khác nhau trên địa bàn huyện Cần Giờ giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được cấp thẩm quyền phê duyệt; - Dự án cải tạo, nâng cấp, phát triển hệ thống thoát nước cho các khu dân cư tập trung huyện Cần Giờ đến năm 2020 được cấp thẩm quyền phê duyệt; - Dự án đầu tư các khu xử lý nước thải tập trung trên địa bàn huyện Cần Giờ giai đoạn 2021-2025 được cấp thẩm

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính	Kinh phí (triệu đồng)	Nguồn vốn dự kiến	Chỉ số đánh giá/ Kết quả dự kiến
16	Tăng cường việc thực thi pháp luật về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ TPHCM	2017 - 2020	Thanh tra Sở TN&MT	Phòng Cảnh sát PCTP về môi trường (CA TPHCM), UBND huyện Cần Giờ	2.000	Vốn sự nghiệp BVMT	<p>quyền phê duyệt.</p> <p>Các hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường ngày càng hiệu quả, thiết thực.</p>
D. ĐÀO TẠO, TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC VÀ NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ QUẢN LÝ TỔNG HỢP VÙNG BỜ							
17	Xây dựng và thực hiện kế hoạch tăng cường nguồn nhân lực phục vụ quản lý tổng hợp vùng bờ TPHCM	2017 - 2020	Sở TN&MT	Văn phòng UBND TP, các Sở: Nội vụ, Tư pháp, NN&PTNT, Xây dựng, Giao thông vận tải, KH&CN, Tài chính; UBND huyện Cần Giờ, ĐHQG TPHCM	1.500	Vốn sự nghiệp BVMT	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch tăng cường nguồn nhân lực phục vụ quản lý tổng hợp vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh được cấp thẩm quyền phê duyệt và triển khai; - Mạng lưới chuyên gia có trình độ, kinh nghiệm trong đào tạo nguồn nhân lực thực hiện quản lý tổng hợp vùng bờ được xác lập và cập nhật thường xuyên; - Chương trình và tài liệu đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về quản lý tổng hợp vùng bờ được xây dựng phù hợp với các nhóm đối tượng cần đào tạo; - Các khóa đào tạo, tập huấn cơ bản và chuyên sâu nhằm nâng cao năng lực về quản lý tổng hợp vùng bờ cho thành phố được triển khai và đạt hiệu quả mong muốn.
18	Xây dựng và thực hiện	2017 -	Sở TT&TT	Văn phòng UBND	2.500	Vốn sự	Chương trình truyền thông nâng cao

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính	Kinh phí (triệu đồng)*	Nguồn vốn dự kiến	Chỉ số đánh giá/ Kết quả dự kiến
	chương trình truyền thông nâng cao nhận thức về quản lý tổng hợp vùng bờ	2020		TP, Sở TN&MT, Đài truyền hình, Báo SGGP, Báo Tuổi trẻ, Thành Đoàn, UBND huyện Cần Giờ		nghiệp BVMT	nhận thức về quản lý tổng hợp vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh được cấp thẩm quyền phê duyệt, triển khai thực hiện và duy trì thường xuyên.
19	Xây dựng và thực hiện cơ chế tài chính bền vững hỗ trợ quản lý tổng hợp vùng bờ TP.HCM	2017 - 2020	Sở Tài chính	Văn phòng UBND TP, các Sở: TN&MT, Tư pháp, NN&PTNT, KH&CN, UBND huyện Cần Giờ	4.000	Vốn sự nghiệp BVMT	<ul style="list-style-type: none"> - Các cơ chế tài chính bền vững hỗ trợ quản lý tổng hợp vùng bờ Thành phố Hồ Chí Minh được thiết lập và vận hành hiệu quả; - Cơ chế chi trả dịch vụ hệ sinh thái rừng ngập mặn Cần Giờ được cấp thẩm quyền phê duyệt và triển khai áp dụng trong thực tế.

Ghi chú: * Kinh phí trong bảng trên chỉ là con số ước tính để chủ động bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm của các cơ quan liên quan.

(**) Kinh phí theo ước tính của UBND huyện Cần Giờ.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục 2
PHÂN KỲ ĐẦU TƯ CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ TỔNG HỢP TÀI NGUYÊN
VÙNG BỜ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Kèm theo Quyết định số 713/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2017 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh)

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Kinh phí (tr. đồng)*	Dự kiến phân bổ				Nguồn vốn dự kiến
					2017	2018	2019	2020	
A. XÂY DỰNG VÀ BAN HÀNH CÁC HƯỚNG DẪN VỀ QUẢN LÝ TỔNG HỢP VÙNG BỜ									
1	Xây dựng và thể chế hóa cơ chế điều phối, phối hợp đa ngành, đa bên phục vụ quản lý tổng hợp vùng bờ TP.HCM	2017	Sở TN&MT	200	–	–	–	–	Ngân sách sự nghiệp BVMT
2	Xây dựng và thực hiện hệ thống thông tin tổng hợp phục vụ quản lý tổng hợp vùng bờ TP.HCM, kết nối với hệ thống cấp trung ương	2017 - 2018	Sở TN&MT	5.000	2.000	–	–	–	Ngân sách sự nghiệp BVMT
3	Xây dựng quy chế quản lý, khai thác và sử dụng quỹ đất bãi bồi, đất mặt nước ven sông, ven biển và đất sông ngòi kênh rạch trên địa bàn huyện Cần Giờ	2017 - 2018	UBND huyện Cần Giờ	1.000	500	–	–	–	Ngân sách sự nghiệp BVMT
B. KHAI THÁC, SỬ DỤNG BỀN VỮNG TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC									
4	Rà soát, đo đạc bổ sung thành lập bản đồ địa hình đáy biển (tỷ lệ 1/10.000) vùng bờ TP.HCM	2018 - 2020	Sở TN&MT	5.000	–	1.000	2.000	2.000	Ngân sách sự nghiệp

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Kinh phí (tr. đồng)*	Dự kiến phân bổ				Nguồn vốn dự kiến	
					2017	2018	2019	2020		
	đến 6 hải lý từ bờ								BVMT	
5	Phân vùng chức năng vùng bờ TP.HCM	2017 - 2018	Sở KH&CN	3.400	1.700	1.700	-	-	Ngân sách sự nghiệp KHCN	
6	Xây dựng và thực hiện các mô hình đồng quản lý tài nguyên vùng bờ TP.HCM	2019 - 2020	UBND huyện Cần Giờ	1.200	-	600	600		Ngân sách sự nghiệp BVMT	
7	Thiết lập khu bảo tồn vùng nước nội địa ven biển TP.HCM	2018 - 2019	Sở NN&PTNT	2.600	-	1.300	-		Ngân sách sự nghiệp BVMT	
8	Xây dựng Đề án phục hồi rừng ngập mặn trên các khu vực ruộng muối, đầm tôm không còn khai thác trong ranh giới rừng phòng hộ Cần Giờ	2017 - 2018	UBND huyện Cần Giờ	800	400	400	-		Ngân sách sự nghiệp BVMT	
C. PHÒNG NGỪA, KIỂM SOÁT Ô NHIỄM, GIẢM THIỂU TỒN THẤT TẠI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ										
HẬU, NƯỚC BIỂN DÂNG										
9	Xây dựng và thực hiện chương trình quan trắc môi trường tổng hợp vùng bờ TP.HCM	2017 - 2020	Sở TN&MT	15.000	12.000	1.000	1.000	1.000	Ngân sách Nhà nước chi cho đầu tư công (2017), các năm sau là vốn	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Kinh phí (tr. đồng)*	Dự kiến phân bổ				Nguồn vốn dự kiến
					2017	2018	2019	2020	
									SNBVT
10	Đánh giá khả năng chịu tải của vịnh Đòng Tranh, vịnh Gành Rái và cửa Soài Rạp trước các sức ép về gia tăng dân số và tăng trưởng kinh tế ở vùng hạ lưu hệ thống sông Đòng Nai	2017 - 2018	Sở KH&CN	3.600	1.800	1.800	-	-	Ngân sách sự nghiệp KHCN
11	Đánh giá ảnh hưởng, tác động qua lại giữa môi trường nước và hoạt động nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện Cần Giờ	2017 - 2018	Sở KH&CN	1.400	700	700	-	-	Ngân sách sự nghiệp KHCN
12	Xây dựng và thực hiện Kế hoạch giảm ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện Cần Giờ giai đoạn 2017 - 2020	2017 - 2020	UBND huyện Cần Giờ	(**)100.000	10.000	20.000	30.000	40.000	Vốn ngân sách địa phương
13	Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn vùng bờ TP.HCM	2017 - 2020	UBND huyện Cần Giờ	10.000	500	3.500	3.000	3.000	Vốn sự nghiệp BVT
14	Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý về xử lý nước thải cho	2017 - 2020	UBND huyện Cần Giờ	(**)500.000	50.000	100.000	200.000	150.000	Vốn sự nghiệp

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Kinh phí (tr. đồng)*	Dự kiến phân bổ				Nguồn vốn dự kiến
					2017	2018	2019	2020	
	vùng ven biển								BVMT
15	Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý tổng hợp tài nguyên nước vùng bờ TP.HCM	2017 - 2020	UBND huyện Cần Giờ	10.000	2.500	2.500	2.500	2.500	Vốn sự nghiệp BVMT
16	Tăng cường việc thực thi pháp luật về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ TP.HCM	2017 - 2020	Thanh tra Sở TN&MT	2.000	500	500	500	500	Vốn sự nghiệp BVMT
D. ĐÀO TẠO, TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC VÀ NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ QUẢN LÝ TỔNG HỢP VÙNG BỜ									
17	Xây dựng và thực hiện kế hoạch tăng cường nguồn nhân lực phục vụ quản lý tổng hợp vùng bờ TP.HCM	2017 - 2020	Sở TN&MT	1.500	500	500	500	200	Vốn sự nghiệp BVMT
18	Xây dựng và thực hiện chương trình truyền thông nâng cao nhận thức về quản lý tổng hợp vùng bờ	2017 - 2020	Sở TT&TT	2.500	1.000	500	500	500	Vốn sự nghiệp BVMT
19	Xây dựng và thực hiện cơ chế tài chính bền vững hỗ trợ quản lý tổng hợp vùng bờ TP.HCM	2017 - 2020	Sở Tài chính	4.000	1.000	1.000	1.000	1.000	Vốn sự nghiệp BVMT
Tổng cộng					85.300	139.900	242.700	201.300	

Ghi chú: * Kinh phí trong bảng trên chỉ là con số ước tính để chủ động bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm của các cơ quan liên quan.

(**) Kinh phí theo ước tính của UBND huyện Cần Giờ.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng